

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Chăn nuôi - Thú y
Mã số: 7 620 119

THANH HÓA, NĂM 2022

DANH MỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH CHĂN NUÔI - THÚ Y
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, MÃ SỐ 7 620119

PHẦN A. BÁO CÁO MỞ NGÀNH VÀ QUYẾT NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

1. Báo cáo kết quả xây dựng đề án và phê duyệt mở ngành Chăn nuôi - Thú y, trình độ đại học
2. Nghị quyết của Hội đồng trường ĐH Hồng Đức về Kế hoạch mở ngành đào tạo trình độ đại học Chăn nuôi - Thú y
3. Biên bản thông qua hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Chăn nuôi - Thú y

PHẦN B. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH CHĂN NUÔI – THÚ Y, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Phần thứ nhất: Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Vài nét chung về Trường đại học Hồng Đức
2. Vài nét chung về khoa Nông Lâm Ngư nghiệp – đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Chăn nuôi – Thú y
3. Sự cần thiết mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Chăn nuôi – Thú y

Phần thứ hai: Năng lực của cơ sở đào tạo

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu
2. Cơ sở vật chất kỹ thuật
3. Hoạt động khoa học công nghệ
4. Hợp tác quốc tế

Phần thứ ba: Tóm tắt chương trình đào và kế hoạch đào tạo

Phần thứ tư: Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của Trường Đại học Hồng Đức liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học
2. Đề nghị của cơ sở đào tạo
3. Cam kết triển khai thực hiện

PHẦN C: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo
2. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
3. Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng, giấy xác nhận về việc chỉnh sửa chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng
4. Chương trình đào tạo và đề cương học phần

PHẦN D: PHỤ LỤC

1. Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu
2. Văn bằng tốt nghiệp của giảng viên cơ hữu

PHẦN E: ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

1. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ mở ngành Chăn nuôi – Thú y
2. Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ mở ngành Chăn nuôi – Thú y
3. Phiếu tự đánh giá điều kiện mở ngành Chăn nuôi – Thú y

PHẦN A:
BÁO CÁO MỞ NGÀNH VÀ QUYẾT NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

1. Báo cáo kết quả xây dựng đề án và phê duyệt mở ngành Chăn nuôi - Thú y, trình độ đại học
2. Quyết nghị của Hội đồng trường ĐH Hồng Đức về Kế hoạch mở ngành đào tạo trình độ đại học Chăn nuôi - Thú y
3. Biên bản thông qua hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo trình độ đại học ngành Chăn nuôi - Thú y

Số **20/BC-ĐHHĐ**

Thanh Hóa, ngày **02** tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng đề án và phê duyệt mở ngành Chăn nuôi-Thú y trình độ đại học

Thực hiện Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06//2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, Trường Đại học Hồng Đức báo cáo kết quả như sau:

Ngày 11/01/2022, Hiệu trưởng Nhà trường đã có Quyết định số 147/QĐ-ĐHHĐ về việc thành lập Ban xây dựng đề án và Quyết định số 148/QĐ-ĐHHĐ về việc thành lập Tổ soạn thảo CTĐT ngành Chăn nuôi-Thú y, trình độ đại học;

Ngày 02/02/2021, Hội đồng Trường đã có Nghị quyết số 03/QN-HĐT thông qua kế hoạch mở ngành đào tạo Chăn nuôi-Thú y.

Ngày 25/02/2022, tại Trường Đại học Hồng Đức, Hội đồng thẩm định CTĐT (thành lập theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHHĐ ngày 21/02/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức) đã tiến hành họp thẩm định CTĐT ngành Chăn nuôi-Thú y, trình độ đại học;

Kết quả thẩm định CTĐT: 5/5 thành viên của Hội đồng đã thống nhất thông qua với một số đề nghị chỉnh sửa, bổ sung theo kiến nghị của các thành viên Hội đồng.

Trường Đại học Hồng Đức tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng và đã được xác nhận của Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu.

Ngày **02/3/2022**, Hiệu trưởng Nhà trường đã phê duyệt CTĐT ngành Chăn nuôi-Thú y.

Nhà trường đã tự kiểm tra và đánh giá các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành Kiểm toán trình độ đại học. Kết luận của đoàn kiểm tra: Nhà trường **đảm bảo, đầy đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo** ngành Chăn nuôi-Thú y trình độ đại học.

Bên cạnh đó, trong 03 năm từ 2019-2021, Trường Đại học Hồng Đức không vi phạm quy định về quy chế tuyển sinh và đào tạo các bậc, hệ đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường đã hoàn thành hồ sơ theo quy định và Hiệu trưởng ký Quyết định mở ngành Kiểm toán trình độ đại học.

Trường Đại học Hồng Đức báo cáo và cam kết thực hiện tuyển sinh và đào tạo theo đúng quy định./. 

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLĐT. 

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng

Số: 03/NQ-HĐT

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 02 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch mở ngành đào tạo năm 2021 của Trường Đại học Hồng Đức

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC NHIỆM KỲ 2019-2024

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức nhiệm kỳ 2019-2024;

Căn cứ Tờ trình số 271 /TTr-ĐHHD ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc mở ngành đào tạo năm 2021; Ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng Trường tại phiên họp ngày 27 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất thông qua Kế hoạch mở ngành đào tạo năm 2021 trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức, theo Tờ trình số 271 /TTr-ĐHHD ngày 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể:

Đồng ý mở mới 02 ngành trình độ đại học: **Chăn nuôi thú y** (mã số: 7620119); **Khoa học cây trồng** (mã số: 7620110).

Điều 2. Quyết nghị này được Hội đồng thông qua tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày ký; Giao Hiệu trưởng tổ chức thực hiện Kế hoạch mở ngành đào tạo năm 2021 đã được thông qua theo các quy định Nhà nước hiện hành.

Điều 3. Hội đồng Trường, Hiệu trưởng và các đơn vị có liên quan thuộc Trường Đại học Hồng Đức chịu trách nhiệm thực hiện quyết nghị này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HĐT.

T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



PGS.TS. Lê Viết Báu

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 3 năm 2022

BIÊN BẢN

**Thông qua hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo trình độ đại học
ngành Chăn nuôi-Thú y**

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, Trục Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức tổ chức họp thông qua hồ sơ đề nghị mở ngành **Chăn nuôi - Thú y** trình độ đại học (mã số **7620 119**).

Chủ trì: PGS,TS. Bùi Văn Dũng - Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐKH và ĐT.

Thư ký: PGSTS. Đậu Bá Thìn - TP. Quản lý đào tạo, Ủy viên trực Hội đồng.

Sau khi nghe Ban xây dựng Đề án mở ngành, tổ soạn thảo chương trình đào tạo báo cáo quá trình và kết quả xây dựng đề án mở ngành mới, các thành viên tham dự cuộc họp thảo luận, góp ý và thống nhất đánh giá nhận xét như sau:

TT	Nội dung đánh giá, nhận xét	Nhận xét của Hội đồng khoa học và Đào tạo	Kết luận
1	Cấu trúc, bố cục của Đề án	Đề án mở ngành đào tạo mới được xây dựng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017.	Đáp ứng yêu cầu
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Chương trình đào tạo được xây dựng dựa vào các Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Hồng Đức, có tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học trong và ngoài nước.	Đáp ứng yêu cầu
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Rõ ràng, phù hợp ngành đào tạo	Đáp ứng yêu cầu
4	Cấu trúc chương trình đào tạo	Phù hợp, đảm bảo các yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT về cấu trúc chương trình: sự hợp lý của các học phần, các khối kiến thức, thời lượng của từng học phần.	Đáp ứng yêu cầu
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	Phù hợp với quy định chương trình đào tạo 4 năm	Đáp ứng yêu cầu

PHẦN B: ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH CHĂN NUÔI - THÚ Y

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Phần thứ nhất: Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Vài nét chung về Trường đại học Hồng Đức
2. Vài nét chung về khoa Nông Lâm Ngư nghiệp - đơn vị trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Chăn nuôi - Thú y
3. Sự cần thiết mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Chăn nuôi - Thú y

Phần thứ hai: Năng lực của cơ sở đào tạo

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu
2. Cơ sở vật chất kỹ thuật
3. Hoạt động khoa học công nghệ
4. Hợp tác quốc tế

Phần thứ ba: Tóm tắt chương trình đào và kế hoạch đào tạo

Phần thứ tư: Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của Trường Đại học Hồng Đức liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học
2. Đề nghị của cơ sở đào tạo
3. Cam kết triển khai thực hiện

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. VÀI NÉT CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở ba trường cao đẳng: Sư phạm Thanh Hóa, Kinh tế - Kỹ thuật Thanh Hóa và Y tế Thanh Hoá. Là trường đại học công lập đa ngành trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hoá, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, cao đẳng, thuộc các lĩnh vực khoa học giáo dục, công nghệ, kỹ thuật, kinh doanh quản lý và nghiên cứu khoa học phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa và trong cả nước. Từ tháng 6 năm 2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ. Đặc biệt, tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép nhà trường đào tạo trình độ tiến sĩ hai chuyên ngành: Khoa học cây trồng và Văn học Việt Nam. Đến thời điểm này, Trường Đại học Hồng Đức đã hoàn thiện tất cả các bậc đào tạo.

Sau 24 năm kể từ ngày thành lập, Trường Đại học Hồng Đức đã có những bước phát triển mạnh và bền vững cả về đội ngũ cán bộ giảng viên, ngành nghề đào tạo, bậc, hệ đào tạo, quy mô tuyển sinh và cơ sở vật chất kỹ thuật; chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao; hoạt động nghiên cứu khoa học không ngừng được mở rộng, góp phần phục vụ thiết thực mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và trong cả nước.

Về đội ngũ cán bộ: Chất lượng, trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên trong thời gian qua luôn phát triển. Tính đến tháng 02/2022, Nhà trường có 651 cán bộ, giảng viên và người lao động. Đội ngũ giảng viên là 407 người (chiếm 62,51%), trong đó 162 giảng viên có trình độ tiến sĩ, đạt 39,80%, 23 giảng viên có học hàm Phó Giáo sư, đạt 5,7%. Hiện nay, nhà trường có 12 giảng viên đang làm tiến sĩ ở nước ngoài; 70 giảng viên đang học sau đại học (66 nghiên cứu sinh). Ngoài ra hàng trăm cán bộ được tham gia các loại hình đào tạo bồi dưỡng khác như: Cao cấp lý luận chính trị, Quản lý nhà nước, văn bằng 2 Tiếng anh...

Ngoài ra hàng trăm cán bộ được tham gia các loại hình đào tạo bồi dưỡng khác như: Cao cấp lý luận chính trị, Quản lý nhà nước, văn bằng 2 Tiếng anh...

Về ngành nghề, trình độ đào tạo: Tính đến năm học 2021-2022, nhà trường đang triển khai đào tạo 4 chuyên ngành trình độ tiến sĩ (Khoa học cây trồng; Lịch sử Việt Nam, Lý luận và PPDHBM văn – Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam), 19 chuyên ngành trình độ Thạc sĩ và 32 ngành đào tạo trình độ đại học.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật: Nhà trường có tổng diện tích 478 nghìn m², trong đó có 200 phòng học với diện tích 25. nghìn m²; toàn trường có 32 phòng thí nghiệm chuyên sâu và liên môn được trang bị nhiều loại thiết bị, máy móc hiện đại; 8 phòng máy tính; 1 phòng Lab, 14 phòng học tiếng Anh. Thư viện trường có 3 phòng đọc với 500 chỗ ngồi, có 2834 danh mục giáo trình (49087 cuốn); 8382 danh mục tài liệu tham

khảo (79884 cuốn); 894 bản báo và tạp chí; 16 loại cơ sở dữ liệu nước ngoài với 148 đĩa CD-ROM; 2 loại cơ sở dữ liệu trong nước với 14 đĩa CD-ROM; phần mềm quản lý thư viện LIBOL, cơ sở dữ liệu tài nguyên số... Thư viện điện tử có 120 máy tính; mạng Internet, mạng LAN, wifi được kết nối đến phòng học, phòng làm việc trong toàn trường, đảm bảo thông suốt 24/24 giờ đảm bảo đáp ứng nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên.

Hoạt động khoa học công nghệ: Từ tháng 1 năm 2009, trường Đại học Hồng Đức đã được Bộ Văn hóa Thông tin và Truyền thông cho phép xuất bản “Tạp chí khoa học” có chỉ số ISSN. Hiện nay tạp chí khoa học của nhà trường đã xuất bản được 6 số (01 số bằng tiếng anh)/năm. Đặc biệt từ năm 2015, tạp chí khoa học đã được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước tính điểm công trình với 4 ngành, đây là bước phát triển quan trọng trong hoạt động khoa học công nghệ của nhà trường.

Trong thời gian qua các kết quả nghiên cứu của các đề tài dự án đã phục vụ trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo. Số lượng, chất lượng các đề tài NCKH, bài báo chuyên ngành đặc biệt là các đề tài cấp cao và bài báo đăng tạp chí quốc tế ngày càng gia tăng. Từ năm 2010 đến nay đã thực hiện được 285 đề tài, dự án trong đó có 05 đề tài cấp nhà nước, 25 đề tài cấp bộ, 23 đề tài cấp tỉnh và 232 đề tài cấp cơ sở; công bố hơn 600 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, trong đó có hơn 60 bài báo quốc tế.

Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học: Nhà trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với các trường đại học, các cơ sở đào tạo uy tín trong khu vực và trên thế giới. Trong 20 năm qua trường đã cử cán bộ, giáo viên, sinh viên đi làm việc, học tập, trao đổi kinh nghiệm về quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và tham dự hội nghị hội thảo quốc tế. Trường đã ký biên bản hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Tổ chức Hỗ trợ Đại học Thế giới - WUSC (Canada); Tổ chức Project Trust (Vương quốc Anh); Chương trình Fulbright tại Việt Nam; Phòng Văn hóa - Thông tin Đại sứ quán Hoa Kỳ; Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Nhật bản (SCJ); Tổ chức Giáo dục Quốc tế AEI (Tây ban Nha); tiếp nhận giáo viên tình nguyện, chuyên gia tiếng Anh nước ngoài đến trường giảng dạy; đào tạo lưu học sinh tỉnh Hòa Phấn (Lào) theo Chương trình hợp tác đào tạo giữa hai tỉnh Thanh Hóa và Hòa Phấn; cử học viên thuộc đề án “Liên kết đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học với trường đại học nước ngoài tại trường Đại học Hồng Đức” đi đào tạo đại học và sau đại học tại 59 trường đại học, học viện trên thế giới. Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả các dự án hợp tác quốc tế như “Dự án Trung tâm Giáo dục nông nghiệp (AEC) với Canada; Dự án “Phòng chống Ma túy trong trường Sư phạm” nguồn tài trợ của UNDP; Dự án “Dân số - Sức khỏe và Sinh sản” do ADB tài trợ; Dự án Hợp tác xây dựng Chương trình Việt Nam học giữa trường Đại học Cộng đồng Tidewater (Hoa Kỳ). Hiện tại nhà trường đang tập trung triển khai thực hiện dự án “Hỗ trợ phát triển Chương trình đào tạo các trường đại học nông nghiệp Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu” (ACCC) do Hà Lan tài trợ; dự án “Xây dựng Trung tâm Đào tạo tiếng Việt tại tỉnh Hòa Phấn” nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; dự án “Đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn lãnh

đạo, quản lý tỉnh Thanh Hóa ở các trường Đại học nước ngoài” bằng nguồn ngân sách của tỉnh.

2. VÀI NÉT CHUNG VỀ KHOA NÔNG LÂM NGƯ NGHIỆP – ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CHĂN NUÔI - THÚ Y

Khoa được thành lập từ năm 1997, chức năng nhiệm vụ của khoa là đào tạo cán bộ kỹ thuật và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá và các địa phương trong cả nước.

Về đội ngũ giảng viên của khoa: Hiện nay, với tổng số 47 người, trong đó có 41 giảng viên với 01 PGS, 15 tiến sỹ, 25 thạc sỹ (06 giảng viên đang học nghiên cứu sinh) và 06 giáo viên thực hành và nhân viên hành chính. Khoa có nhiều cán bộ giảng viên đã tốt nghiệp các trường đại học danh tiếng của các nước như: Anh, Đức, Nhật bản, Trung Quốc, Thái Lan, Phillippines....Nhiều cán bộ giảng viên có trình độ ngoại ngữ có thể làm việc trực tiếp với người nước ngoài.

Với cơ cấu 4 Bộ môn (Khoa học cây trồng, Khoa học vật nuôi, Lâm nghiệp, Khoa học đất) và Tổ thí nghiệm, thực hành. Khoa đang quản lý và tổ chức đào tạo 4 ngành trình độ đại học (Nông học, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Lâm nghiệp), trình độ thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành Khoa học cây trồng.

Về cơ sở vật chất của khoa: Khoa có các phòng học khang trang với các thiết bị trình chiếu, nghe nhìn hiện đại; trong thư viện với nhiều đầu sách tham khảo, giáo trình, tạp chí chuyên ngành; hệ thống mạng Internet kết nối tới phòng học, phòng làm việc; hệ thống phòng thí nghiệm với các thiết bị, máy móc hiện đại, đảm bảo đủ năng lực phục vụ thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực phân tích, đánh giá các chỉ tiêu chất lượng đất, nước, phân bón, cây trồng, nông sản thực phẩm; trại thí nghiệm thực hành nông, lâm, ngư nghiệp (2,5 ha) trong khuôn viên nhà trường đã được đầu tư nhiều hạng mục công trình đáp ứng nhu cầu rèn kỹ năng nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra khoa đã xây dựng được hệ thống các điểm liên kết đào tạo với cơ sở sản xuất trong tỉnh đáp ứng nhu cầu thực tập nghề nghiệp và thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp cho sinh viên.

Về kết quả đào tạo: Từ năm 1997, khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp đã tuyển sinh được gần 5000 sinh viên ở bậc đại học (hệ chính quy và vừa làm vừa học), tỷ lệ sinh viên hệ chính quy có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp đạt trên 80%, trong đó có 60% sinh viên có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo. Ở bậc đào tạo thạc sỹ chuyên ngành khoa học cây trồng, từ 2007 - 2021, khoa đã tuyển sinh được 14 khóa đào tạo, tổng số 330 học viên, trong đó có 12 khóa (211 học viên) đã tốt nghiệp ra trường.

3. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHĂN NUÔI - THÚ Y

3.1. Xuất phát từ nhu cầu người học và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hóa

Qua khảo sát nhu cầu người học (cựu sinh viên và sinh viên đang học tại khoa) và nhà tuyển dụng bao gồm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn

nuôi và thú y, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp của 27 huyện, thị trên địa bàn tỉnh. Kết quả khảo sát cho thấy: 100% ý kiến của người học và các nhà sử dụng lao động đồng ý với sự cần thiết phải mở ngành Chăn nuôi - Thú y nhằm cung cấp nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Về mục tiêu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 đã xác định *“Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Trọng tâm là đổi mới, nâng chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, lựa chọn những chương trình đào tạo tiên tiến, gần với chuẩn đầu ra, trang bị cho lao động những kỹ năng, kiến thức và công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, phục vụ nhân lực cho các ngành kinh tế của tỉnh”*. Trong lĩnh vực chăn nuôi, tỉnh Thanh Hóa đã xác định: *“đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp để chăn nuôi trở thành động lực tăng trưởng của ngành nông nghiệp, có một số sản phẩm đứng đầu cả nước; gần với xây dựng thương hiệu sản phẩm; phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 3% trở lên”*. Theo đó, phát triển nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, gần với xây dựng thương hiệu sản phẩm. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, xây dựng thương hiệu đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị. Phát triển lâm nghiệp bền vững gần với bảo vệ môi trường sinh thái; tập trung phát triển rừng sản xuất gỗ lớn đạt 56.000ha. Phát huy hiệu quả tiềm năng, phát triển thủy sản trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn. Đẩy mạnh xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm (Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025)

Từ những nội dung nêu trên cho thấy việc đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Chăn nuôi - Thú y là rất phù hợp với xu thế phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, tạo cơ sở để góp phần thực hiện thành công mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giai đoạn 2020 - 2025.

3.2. Xuất phát từ thực tế năng lực và nhu cầu phát triển, xây dựng Trường Đại học Hồng Đức thành Trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học của tỉnh Thanh Hóa

Trong chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức, Nhà trường phấn đấu *“Xây dựng Trường Đại học Hồng Đức trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành định hướng ứng dụng đạt chuẩn quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế, một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước”*. Hiện nay, khoa Nông Lâm Ngư nghiệp có 15 tiến sĩ Nông nghiệp, trong đó có 01 tiến sĩ chuyên ngành chăn nuôi, 01 tiến sĩ chuyên ngành thú y. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có đội ngũ cộng tác viên là các nhà giáo, nhà khoa học có uy tín và các chuyên gia đầu ngành có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo ngành Chăn

nuôi - Thú y đang công tác tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Viện khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Trường đại học Nông lâm Bắc Giang, Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật Thanh Hóa. Đồng thời, hiện nay nhà trường đang thực hiện đào tạo các ngành đại học thuộc các lĩnh vực khác nhau: Công nghệ thông tin, kinh tế, ngoại ngữ, nông học, lâm nghiệp, chăn nuôi... Vì vậy, việc mở ngành Chăn nuôi - Thú y trình độ đại học là cơ sở để nhà trường khai thác và phát huy tiềm lực đội ngũ cán bộ giảng viên, cơ sở vật chất kỹ thuật đã có sẵn, đang được đầu tư, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, qua đó góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nhà trường thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học của tỉnh Thanh Hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lần thứ XIX

Từ những lý do nêu trên, căn cứ tiềm lực đội ngũ cán bộ giảng viên, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, đối chiếu với Thông tư số 22/2017/TT- BGDĐT ngày 06/09/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức xét thấy đã đáp ứng đủ điều kiện để đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học Chăn nuôi - Thú y, mã số 7 620119

Phần thứ hai

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Sau 24 năm thành lập, Trường Đại học Hồng Đức đã có những bước phát triển mạnh và bền vững cả về đội ngũ cán bộ giảng viên, ngành nghề, trình độ, hình thức đào tạo quy mô tuyển sinh và cơ sở vật chất kỹ thuật; chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, hoạt động nghiên cứu khoa học không ngừng được mở rộng, góp phần phục vụ thiết thực mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Tổng số cán bộ giảng viên cơ hữu của nhà trường là 407 người (chiếm 62,51%), trong đó 162 giảng viên có trình độ tiến sĩ, đạt 39,80%, 23 giảng viên có học hàm Phó Giáo sư, đạt 5,7%. Hiện nay, nhà trường có 12 giảng viên đang làm tiến sĩ ở nước ngoài; 70 giảng viên đang học sau đại học (66 nghiên cứu sinh). Ngoài ra hàng trăm cán bộ được tham gia các loại hình đào tạo bồi dưỡng khác như: Cao cấp lý luận chính trị, Quản lý nhà nước, văn bằng 2 Tiếng anh... Về đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT ngành Chăn nuôi - Thú y:

- Giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương có 23 giảng viên trong đó: 14 tiến sĩ, 9 thạc sĩ.

Bảng 2.1. Danh sách giảng viên giảng dạy khối kiến thức đại cương

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy
1	Trịnh Thị Huân, 1978, TBM	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Hóa hữu cơ	2003
2	La Thị Quế, 1986, PTBM	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	2008
3	Lê Thị Hoa, 1982	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Hóa hữu cơ	2008
4	Lê Văn Minh, 1977, TK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Luật dân sự	2015
5	Nguyễn Văn Thụ, 1974, TBM	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Mậu dịch (thương mại) Quốc tế	1997
6	Trịnh Thị Thơm, 1968, TP. HTQT	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	1995
7	Nguyễn Thị Quyết, 1976, TK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ Anh	1990
8	Lê Thị Thắm, 1974, TBM	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	1997
9	Mai Thị Quý, 1969, PTK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Triết học	1991
10	Lê Tuyết Mai, 1981	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Tâm lý học	2004
11	Nguyễn Thị Thanh Xuân, 1977, TBM	Tiến sĩ, 2018, Philipin	Quản trị kinh doanh	2003
12	Lê Thị Hiền, 1982	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Văn học dân gian Việt Nam	2006
13	Dương Thị Thoan, 1973, PTK	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Tâm lý học	2003
14	Lê Thị Nương, 1982	Tiến sĩ, 2010	Văn học dân gian Việt Nam	2004
15	Lê Thị Đình, 1970	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Khoa học máy tính	1989

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy
16	Mai Thị Lan, 1973	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Hồ Chí Minh học	1996
17	Nguyễn Phan Vũ, 1984, PTBM	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Triết học	2010
18	Vũ Thị Lan, 1987, PTBM	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	LS Đảng và TT HCM	2009
19	Hoàng Văn Quý, 1978	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Toán tin	2009
20	Hoàng Kim Thúy, 1987	Thạc sĩ, Úc, 2014	LL và PPDH Tiếng Anh	2015
21	Nguyễn Thị Việt, 1987	Thạc sĩ, Úc, 2013	Ngôn ngữ Anh	2015
22	Lê Thị Oanh, 1979	Thạc sĩ, 2007, Việt Nam	Xác xuất-thống kê	2013
23	Hoàng Diệu Hồng, 1976	Thạc sĩ, 2001, Việt Nam	Xác xuất-thống kê	1998

- Giảng dạy khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 02 tiến sĩ đúng chuyên ngành (*TS Đỗ Ngọc Hà, TS Hoàng Văn Sơn*); 04 thạc sĩ đúng chuyên ngành (*ThS Nguyễn Thị Hải; ThS Hoàng Thị Bích, ThS Khương Văn Nam, ThS Phan Thị Tươi*)

Bảng 2.2. Danh sách giảng viên ngành đúng (2 TS, 4 ThS)

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy
1	Đỗ Ngọc Hà, 1985, PTBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Chăn nuôi	2014
2	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005
3	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Thú y	2004
4	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014
5	Khương Văn Nam, 1986	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi	2011
6	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2003

- Giảng dạy khối kiến thức bổ trợ có 17 giảng viên trong đó gồm 6 Tiến sĩ và 11 thạc sĩ

Bảng 2.3. Danh sách giảng viên ngành gần

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy
1	Phạm Hữu Hùng, 1978, TBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Kỹ thuật Lâm sinh	2003
2	Lê Thị Phụng, 1983	Tiến sĩ, 2019, Nhật Bản	Nông nghiệp	2009
3	Lê Văn Cường, 1984, PTK	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Kinh tế xã hội học nông thôn	2007
4	Bùi Thị Huyền, 1975, PTK	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Kỹ thuật Lâm sinh	2000
5	Nguyễn Thị Minh Hồng, 1979	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ Sinh học	2004
6	Lê Văn Ninh, 1965, TK	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Bảo vệ thực vật	2003
7	Trịnh Lan Hồng, 1987	Thạc sĩ, Phillipines 2014	Khoa học thực phẩm	2011
8	Trần Xuân Cương, 1989	Thạc sĩ, 2016, Thái Lan	Hệ thống nông nghiệp	2013
9	Nguyễn Thanh Bình, 1978	Thạc sĩ, 2015, Nhật Bản	Khoa học môi trường và đời sống	2003
10	Nguyễn Thị Dung, 1985	Thạc sĩ, 2014, Nhật Bản	Khoa học môi trường	2009
11	Phạm Thu Trang, 1984	Thạc sĩ, 2014, Bỉ	Kinh tế và xã hội học nông thôn	2012
12	Phạm Thanh Bình, 1986	Thạc sĩ, 2014, Trung Quốc	Khoa học môi trường	2009
13	Lê Văn Thành, 1978	Tiến sĩ, 2018, Trung Quốc	Kinh tế biển	2003
14	Lê Huy Tuấn, 1984	Thạc sĩ, 2013, Trung Quốc	Khoa học môi trường	2008
15	Lê Thị Lâm, 1982	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ sau thu hoạch	2007
16	Tổng Minh Phương, 1981	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Hệ thống Nông nghiệp	2013
17	Phùng Thị Tuyết Mai, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Công nghệ thực phẩm	2006

Bảng 2.4: Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các học phần

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Học phần dự kiến đảm nhận
1	Nguyễn Văn Thụ, 1974, TBM	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Mậu dịch (thương mại) Quốc tế	1997	Triết học Mác- Lênin
2	Nguyễn Phan Vũ,	Thạc sĩ, Việt	Triết học	2010	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Học phần dự kiến đảm nhận
	1984, PTBM	Nam, 2010			
3	Mai Thị Quý, 1969, PTK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Triết học	1991	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
4	Lê Thị Thắm, 1974, TBM	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	1997	
5	Nguyễn Phan Vũ, 1984, PTBM	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	2010	Chủ nghĩa xã hội khoa học
6	Vũ Thị Lan, 1987, PTBM	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	LS Đảng và TT HCM	2009	
7	Mai Thị Quý, 1969, PTK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Triết học	1991	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
8	Vũ Thị Lan, 1987, PTBM	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	LS Đảng và TT HCM	2009	
9	Lê Thị Thắm, 1974, TBM	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	1997	Tư tưởng Hồ Chí Minh
10	Mai Thị Lan, 1973,	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Hồ Chí Minh học	1996	
11	Lê Văn Minh, 1977, TK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Luật dân sự	2015	Pháp luật đại cương
12	La Thị Quế, 1986, PTBM	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Luật học	2008	
13	Nguyễn Thị Quyết, 1976, TK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ Anh	1990	Tiếng Anh 1
14	Trịnh Thị Thơm, 1968, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	1995	
15	Trịnh Thị Thơm, 1968, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	1995	Tiếng Anh 2
16	Nguyễn Thị Quyết, 1976, TK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ Anh	1990	
17	Nguyễn Thị Việt, 1987	Thạc sĩ, Úc, 2013	Ngôn ngữ Anh	2015	Tiếng Anh 3
18	Hoàng Kim Thúy, 1987	Thạc sĩ, Úc, 2014	LL và PPDH Tiếng Anh	2015	
19	Lê Thị Hiền, 1982	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Văn học dân gian Việt Nam	2006	Cơ sở văn hóa Việt Nam
20	Lê Thị Nương, 1982	Tiến sĩ, 2010	Văn học dân gian Việt Nam	2004	
21	Hoàng Diệu Hồng, 1976	Thạc sĩ, 2001, Việt Nam	Xác xuất- thống kê	1998	Xác xuất- thống kê
22	Lê Thị Oanh, 1979	Thạc sĩ, 2007, Việt Nam	Xác xuất- thống kê	2013	
23	Trịnh Thị Huân, 1978, TBM	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Hóa hữu cơ	2003	Hóa học
24	Lê Thị Hoa, 1982	Tiến sĩ, Việt	Hóa hữu cơ	2008	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Học phần dự kiến đảm nhận
		Nam, 2020			
25	Lê Thị Đình, 1970	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Khoa học máy tính	1989	Tin học
26	Hoàng Văn Quý, 1978	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Toán tin	2009	
27	Nguyễn Thị Minh Hồng, 197	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ Sinh học	2004	Công nghệ sinh học
28	Nguyễn Thị Vân, 1986	Thạc sĩ, 2013, Việt Nam	Công nghệ sinh học	2011	
29	Phạm Thanh Bình, 1986	Thạc sĩ, 2014, Trung Quốc	Khoa học môi trường	2009	Sinh thái môi trường
30	Lê Huy Tuấn, 1984	Thạc sĩ, 2013, Trung Quốc	Khoa học môi trường	2008	
31	Nguyễn Thanh Bình, 1978	Thạc sĩ, 2015, Nhật Bản	Khoa học môi trường và đời sống	2003	Khoa học môi trường
32	Nguyễn Thị Dung, 1985	Thạc sĩ, 2014, Nhật Bản	Khoa học môi trường	2009	
33	Dương Thị Thoan, 1973, PTK	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Tâm lý học	2003	Tâm lý lao động
34	Lê Tuyết Mai, 1981	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Tâm lý học	2004	
35	Lê Văn Cường, 1984, PTK	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Kinh tế xã hội học nông thôn	2007	Khởi nghiệp kinh doanh
36	Nguyễn Thị Thanh Xuân, 1977, TBM	Tiến sĩ, 2018, Philipin	Quản trị kinh doanh	2003	
37	Phùng Thị Tuyết Mai, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Công nghệ thực phẩm	2006	Hoá sinh học
38	Nguyễn Thị Minh Hồng, 1979	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ Sinh học	2004	
39	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ-GVC, 2012, Thái Lan	Thú y	2004	Giải phẫu - Mô động vật
40	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	
41	Tổng Minh Phương, 1981	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Hệ thống Nông nghiệp	2013	Di truyền động vật
42	Đỗ Ngọc Hà, 1985, PTBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Chăn nuôi	2014	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Học phần dự kiến đảm nhận
43	Đỗ Ngọc Hà, 1985, PTBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Chăn nuôi	2014	Sinh lý động vật
44	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	
45	Lê Thị Phụng, 1983	Tiến sĩ, 2019, Nhật Bản	Nông nghiệp	2009	Vi sinh vật học
46	Lê Thị Lâm, 1982	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ sau thu hoạch	2007	
47	Đỗ Ngọc Hà, 1985, PTBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Chăn nuôi	2014	Phương pháp NCVKH trong CNTY
48	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	
49	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	Thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi
50	Đỗ Ngọc Hà, 1985, PTBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Chăn nuôi	2014	
51	Phạm Thanh Bình, 198	Thạc sĩ, 2014, Trung Quốc	Khoa học môi trường	2009	Khí tượng nông nghiệp
52	Nguyễn Thị Dung, 1985	Thạc sĩ, 2014, Nhật Bản	Khoa học môi trường	2009	
53	Khuông Văn Nam, 1986	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi	2011	Chọn và nhân giống vật nuôi
54	Tổng Minh Phương, 198	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Hệ thống Nông nghiệp	2013	
55	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	Dinh dưỡng và thức ăn gia súc
56	Đỗ Ngọc Hà, 1985, PTBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Chăn nuôi	2014	
57	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2003	Bệnh lý và chẩn đoán bệnh gia súc
58	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	
59	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	Dịch tễ thú y
60	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ-GVC, 2012, Thái Lan	Thú y	2004	
61	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	Miễn dịch học ứng dụng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Học phần dự kiến đảm nhận
62	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ-GVC, 2012, Thái Lan	Thú y	2004	
63	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	Chăn nuôi lợn
64	Khuong Văn Nam, 1986	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi	2011	
65	Đỗ Ngọc Hà, 1985, PTBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Chăn nuôi	2014	Chăn nuôi gia cầm
66	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	
67	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	Dược lý thú y
68	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2003	
69	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	Dược liệu thú y
70	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2003	
71	Khuong Văn Nam, 1986	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi	2011	Chăn nuôi gia súc nhai lại
72	Tổng Minh Phương, 1981	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Hệ thống Nông nghiệp	2013	
73	Khuong Văn Nam, 1986	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi	2011	Sân khoa gia súc
74	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2009	
75	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2003	Bệnh nội ngoại khoa gia súc
76	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	
77	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	Bệnh truyền nhiễm
78	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ-GVC, 2012, Thái Lan	Thú y	2004	
79	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ-GVC, 2012, Thái Lan	Thú y	2004	Ký sinh trùng thú y
80	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa	2005	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Học phần dự kiến đảm nhận
			bệnh vật nuôi		
81	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	Vệ sinh chăn nuôi
82	Khuông Văn Nam, 1986	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi	2011	
83	Nguyễn Thanh Bình, 1978	Thạc sĩ, 2015, Nhật Bản	Khoa học môi trường và đời sống	2003	Quản lý chất thải trong chăn nuôi
84	Lê Huy Tuấn, 1984	Thạc sĩ, 2013, Trung Quốc	Khoa học môi trường	2008	
85	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2003	Bệnh trên động vật cảnh
86	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	
87	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	Bệnh trên động vật hoang dã
88	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2003	
89	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	Pháp chế chăn nuôi thú y
90	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	
91	Trần Xuân Cương, 1989	Thạc sĩ, 2016, Thái Lan	Hệ thống nông nghiệp	2013	Hệ thống nông nghiệp
92	Tổng Minh Phương, 1981	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Hệ thống Nông nghiệp	2013	
93	Bùi Thị Huyền, 1975, PTK	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Kỹ thuật Lâm sinh	2000	Nông lâm kết hợp
94	Phạm Hữu Hùng, 1978, TBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Kỹ thuật Lâm sinh	2003	
95	Phạm Thu Trang, 1984	Thạc sĩ, 2014, Bỉ	Kinh tế và xã hội học nông thôn	2012	Lập và quản lý dự án PTNT
96	Lê Văn Cường, 1984, PTK	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Kinh tế xã hội học nông thôn	2007	
97	Phạm Thu Trang, 1984	Thạc sĩ, 2014, Bỉ	Kinh tế và xã hội học nông thôn	2012	Phát triển nông thôn
98	Nguyễn Thị Hải,	Thạc sĩ, GVC,	Thú y	2004	

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Học phần dự kiến đảm nhận
	1979	2012, Thái Lan			
99	Tổng Minh Phương, 1981	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Hệ thống Nông nghiệp	2013	Khuyến nông
100	Lê Văn Ninh, 1965, TK	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Bảo vệ thực vật	2003	
101	Khương Văn Nam, 1986	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi	2011	Quản trị trang trại
102	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ-GVC, 2012, Thái Lan	Thú y	2004	
103	Lê Văn Cường, 1984, PTK	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Kinh tế xã hội học nông thôn	2007	Marketing nông nghiệp
104	Nguyễn Thị Thanh Xuân, 1977, TBM	Tiến sĩ, 2018, Philipin	Quản trị kinh doanh	2003	
105	Trịnh Lan Hồng, 1987	Thạc sĩ, Phillipines 2014	Khoa học thực phẩm	2011	Chế phẩm sinh học trong nông nghiệp
106	Lê Thị Lâm, 1982	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ sau thu hoạch	2007	
107	Phùng Thị Tuyết Mai, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Công nghệ thực phẩm	2006	Công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp
108	Nguyễn Thanh Bình, 1978	Thạc sĩ, 2015, Nhật Bản	Khoa học môi trường và đời sống	2003	
109	Phùng Thị Tuyết Mai, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Công nghệ thực phẩm	2006	Bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi
110	Trịnh Lan Hồng, 1987	Thạc sĩ, Phillipines 2014	Khoa học thực phẩm	2011	
112	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ, GVC, 2012, Thái Lan	Thú y	2004	Kiểm nghiệm thú sản
113	Lê Thị Lâm, 1982	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ sau thu hoạch	2007	

2. CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT

Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật, phòng thí nghiệm được trang bị nhiều loại máy móc, thiết bị hiện đại, đảm bảo đáp ứng điều kiện phục vụ đào tạo trình độ đại học ngành Chăn nuôi - Thú y.

Bảng 2.5. Danh mục giáo trình thư viện phục vụ cho ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
----	----------------	-------------	--------------	--------------	--------	-------------------------------

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình triết học Mác - Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	Triết học Mác-Lênin
2	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2015	20	
3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin: Dùng trong các trường đại học, cao đẳng	Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui	CTQG	2005	20	
4	Lịch sử triết học	Nguyễn Hữu Vui	CTQG	1997	20	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
6	Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2004	20	
7	Văn kiện đảng toàn tập tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12	Đảng Cộng sản Việt Nam	CTQG	2002; 2002; 1999; 1999; 2002; 2000; 2000; 2000; 2001; 2001; 2001; 2001	20	
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	
9	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2015	20	Chủ nghĩa xã hội khoa học
10	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường đại học, cao đẳng	BGD & ĐT	CTQG	2008	20	
11	Lịch sử Đảng CSVN	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
12	Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN	BGD & ĐT	CTQG	2006	20	
13	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn	Bộ GD&ĐT	2007	20	
14	Văn kiện Đảng toàn tập tập: I,,II,III,IV,V,VI,VII,VI II,IX,X,XI,XII,XIII		CTQG	2009	20	
15	Giáo trình Tư tưởng HCM	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	Tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
16	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	BGD & ĐT		2019	20	
17	Biên niên tiểu sử	Hồ Chí Minh	CTQG Sự thật	2016	20	
18	Hồ Chí Minh toàn tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15	Tập thể	CTQG	2011	20	
19	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	CTQG	2008	20	
19	Pháp luật đại cương	Lê Văn Minh	CTQG	2016	20	Pháp luật đại cương
20	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	Lê Minh Toàn	Lao động	2012	20	
21	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan	Công an nhân dân	2015	20	
22	English File – Elemenraty 3 rd Edition	Clive Oxeden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson	Oxford University Press	2012	20	Tiếng Anh 1
23	Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A	Nguyễn Thị Quyết	Thanh Hóa	2018	20	
24	Grammar In Use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành	Raymond Murphy	Thời đại	2013	20	
25	Cambridge Preliminary English Test 2	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2011	20	
26	English File – Pre - Intermediate 3 rd Edition	Christina Latham – Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson	Oxford University Press	2011	20	Tiếng anh 2
27	Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B	Nguyễn Thị Quyết	Thanh Hóa	2018	20	
28	Grammar In Use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành	Raymond Murphy	Hà Nội	2013	20	
29	Cambridge Preliminary English Test 3	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2013	20	
30	Cambridge Preliminary English Test 4	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2014	20	
31	Target PET	Sue Ireland, Joanna Kosta	Richmond Publishing	2011	20	Tiếng Anh 3
32	English File–	Clive Oxenden,	Oxford	2013	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Preintermediate 3rd edition	Christina Latham–Koenig and Paul Seligson	University Press			
33	Grammar In Use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng	Raymond Murphy	Hà Nội	1997	20	
34	Cambridge Preliminary English Test 5	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2011	20	
35	Cambridge Preliminary English Test 6	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2015	20	
36	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	2000	20	Cơ sở văn hoá Việt Nam
37	Việt Nam văn hoá sử cương	Đào Duy Anh	VHTT,	2002	20	
38	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Giáo dục	2002	20	
39	Xác suất và thống kê	Đào Hữu Hồ	ĐHQG Hà Nội	2001	20	Xác suất - thống kê
40	Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Tổng Đình Quỳ	Giáo dục	2000	20	
41	Xác suất thống kê	Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương	ĐHQG	2001	20	
42	Hóa học phân tích phần I, II	Nguyễn Tinh Dung	GD	2000	20	Hóa học
43	Hóa học hữu cơ	Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu	ĐHSP, Hà Nội	2005	20	
44	Bài tập hóa hữu cơ	Nguyễn Hữu Đĩnh	Giáo dục	2008	20	
45	Giáo trình tin học cơ sở	Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang	ĐHSP	2015	20	Tin học
46	Tin học căn bản	Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng	KHKT	2017	20	
47	Giáo trình Tin học đại cương	Hàn Viết Thuận	ĐHQTKD	2007	20	
48	Giáo trình Công nghệ sinh học nông nghiệp	Nguyễn Quang Thạch, Nguyễn Thị Lý Anh	Nông Nghiệp Hà Nội	2009	20	Công nghệ sinh học
49	Kỹ thuật di truyền ứng dụng.	Lê Đình Lương, Quyền Đình Thi	Đại học Khoa học tự nhiên,	2004	20	
50	Công nghệ sinh học cây trồng	Đỗ Năng Vịnh	Nông nghiệp	2002	20	
51	Giáo trình sinh thái nông nghiệp	Trần Đức Viên và CS	Giáo dục	2013	20	Sinh thái môi trường

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
52	Giáo trình Khoa học Môi trường đại cương	Lê Văn thắng	Giáo dục	2008	20	
53	Khoa học môi trường	Lê Văn Khoa	Giáo dục	2008	20	Khoa học môi trường
54	Cơ sở khoa học môi trường	Lưu Đức Hải	ĐHQG	2000	20	
55	Tâm lý học lao động	Lê Thị Dung	LĐXH	2009	20	Tâm lý lao động
56	Tâm lý học lao động	Võ Hưng, Phạm Thị Bích Ngân	ĐHQG TPHCM	2007	20	
57	Tâm lý học lao động	Đào Thị Oanh	ĐHSP Hà Nội	2003	20	
58	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH KTQD	2016	20	Khởi sự kinh doanh
59	Nhượng quyền khởi nghiệp	Nguyễn Phi Vân	Trẻ	2015	20	
60	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Nguyễn Đăng Tuấn Minh	Phụ nữ	2017	20	
61	Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học	Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ	, TDTT	2000	20	Giáo dục thể chất 1
62	Chạy cự ly ngắn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD và ĐT	1998	20	
63	Giáo trình Điền kinh	Trường Đại học TDTT TWI	TDTT		2000	
64	Luật Điền Kinh	Ủy ban TDTT	TDTT		2003	
65	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn	ĐHSP	2004	20	Bóng chuyền
66	Giáo trình Bóng chuyền	Đinh Văn Lắm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống	TDTT	2006	20	
67	Luật bóng chuyền	Ủy ban TDTT	TDTT	2003	20	
68	Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền	Nguyễn Quang	TDTT	2001	20	
69	Bóng chuyền bóng rổ	Ủy ban TDTT	TDTT	1998	20	
70	Giáo trình Thể dục Aerobic	Đinh Khánh Thu	TDTT	2014	20	Thể dục Aerobic
71	Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016	Liên đoàn Thể dục quốc tế		2013	20	
71	Thể dục	Nguyễn Xuân Sinh		2009	20	
72	Giáo trình Bóng Đá	Trần Đức Dũng		2007	20	Bóng đá
72	Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người	Ủy ban TDTT			20	
73	Giáo trình bóng đá	Phạm Quang		2004	20	
74	Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C	Phạm Quang, Nguyễn Thiệt Tinh	TDTT	2000	20	
75	Một số bài tập Bóng đá	MILO		2004		

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
76	Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo	TĐTT, Hà Nội.	2003	20	Bóng rổ
77	Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TĐTT	Nguyễn Tùng		2003	20	
78	Luật bóng rổ	Ủy ban thể dục thể thao			20	
79	Giáo trình huấn luyện Vovinam- Việt võ đạo tập 1	Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu	TĐTT	2008	20	Vovinam- Việt võ đạo
80	Giáo trình huấn luyện Vovinam- Việt võ đạo tập 2	Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu	TĐTT	2011	20	
81	Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo	Nguyễn Chánh Tứ		2014	20	
82	Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo	Võ sư Trương Quang An	KIEV	1998	20	
83	Hóa sinh học	Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng	Giáo dục	2016	20	Hóa sinh học
84	Sinh hoá học động vật.	Trần Tổ, Cù Thị Thúy Nga	Nông nghiệp	2008	20	
85	Hoá sinh thực vật.	Ngô Xuân Mạnh, Vũ Kim Bảng, Nguyễn Đăng Hùng, Vũ Kim Thư	Nông nghiệp	2006	20	
86	Thực tập hóa sinh học	Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Thuận, Phan Tuấn Nghĩa	ĐHQGHN	2007	20	
87	Giải phẫu vật nuôi	Đặng Quang Nam, Phạm Đức Chương	NN	2002	20	Giải phẫu – Mô động vật
88	Tổ chức phôi thai học	Phạm Trọng Cung	NN	1982	20	
89	Giải phẫu gia súc cục bộ	Phạm Thị Xuân Vân	NN	1993	20	
90	Giáo trình giải phẫu sinh lý vật nuôi	Nguyễn Đình Nhung	NN	2005	20	
91	Di truyền động vật	Phan Cự Nhân	KHKT HN	2001	20	Di truyền động vật
92	Cơ sở di truyền học phân tử và tế bào - Di truyền học số lượng	Đinh Đoàn Đông	ĐHQG HN	2009	20	
93	Di truyền học	Phạm Thành Hồ	GD	2001		
94	Giáo trình sinh lý động vật - Phần 1	Phạm Kim Đăng, Nguyễn Bá Mùi, Cù Thị Thiên Thu, Nguyễn Thị Phương Giang và Nguyễn Bá	NN	2020	20	Sinh lý động vật

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
		Hiếu				
95	Giáo trình sinh lý động vật - Phần 2	Phạm Kim Đăng, Nguyễn Bá Mùi, Cù Thị Thiên Thu, Nguyễn Thị Phương Giang và Nguyễn Bá Hiếu	NN	2020	20	
96	Sinh lý học vật nuôi	Nguyễn Quang Mai		2004	20	
97	Vi sinh vật học nông nghiệp	Nguyễn Xuân Thành	ĐHSP	2004	20	Vi sinh vật học
98	Vi sinh vật học đại cương	Nguyễn Như Thành	Đại học Sư phạm	2004	20	
99	Giáo trình thực tập vi sinh vật	Nguyễn Xuân Thành	Đại học Sư phạm	2005	20	
100	Giáo trình thiết kế thí nghiệm	Đỗ Đức Lực, Nguyễn Đình Hiền, Hà Xuân Bộ	Đại học Nông Nghiệp	2017	20	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Chăn nuôi – Thú y
101	Giáo trình viết tài liệu khoa học	Đặng Vũ Bình	Đại học Nông Nghiệp	2017		
102	Giáo trình thiết kế thí nghiệm	Đỗ Đức Lực, Nguyễn Đình Hiền, Hà Xuân Bộ	Đại học Nông Nghiệp	2017	20	Thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi – Thú y
103	Giáo trình phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu chăn nuôi.	Nguyễn Xuân Trạch, Đỗ Đức Lực	ĐH Nông nghiệp	2015	20	
104	Giáo trình Khí tượng nông nghiệp	Đoàn Văn Điểm	Nông nghiệp	2005	20	Khí tượng nông nghiệp
105	Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam	Bộ tài nguyên và môi trường	Nông nghiệp	2016	20	
106	Chọn giống và nhân giống vật nuôi,	Nguyễn Đình Hùng, Nguyễn Minh Hoàn, Lê Đình Phùng	ĐH Huế	2008	20	Chọn và nhân giống vật nuôi
107	Chọn giống và nhân giống vật nuôi	Nguyễn Hải Quân	NN HN	2007	20	
108	Cơ sở di truyền chọn giống động vật	Đặng Hữu Lanh, Trần Đình Miên, Trần Đình Trọng	NN Hà Nội	1992	20	
109	Dinh dưỡng và thức ăn gia súc	Vũ Duy Giảng - Nguyễn Thị Lương Hồng - Tôn Thất Sơn	NN Hà Nội	1997	20	Dinh dưỡng và thức ăn gia súc
110	Giáo trình Thức ăn gia súc	Lê Đức Ngoan, Nguyễn Thị Hoa Lý,	ĐH Huế.	2005	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
		Dur Thị Thanh Hằng				
111	Giáo trình dinh dưỡng vật nuôi	Lê Đức Ngoan - Dur Thanh Hằng	ĐH Huế.	2014	20	
112	Giáo trình Bệnh lý thú y 1	Nguyễn Hữu Nam, Nguyễn Thị Lan, Bùi Trần Anh Đào	ĐH Nông Nghiệp	2014	20	
113	Chẩn đoán bệnh gia súc	Chu Đức Thắng, Hồ Văn Nam, Phạm Ngọc Thạch	Nông nghiệp	2007	20	Bệnh lý và chẩn đoán bệnh gia súc
114	Giải phẫu bệnh đại cương thú y	Cao Xuân Ngọc	Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội	1997	20	
115	Giáo trình Dịch tễ học	Nguyễn Như Thanh	Nhà XB NN	2015	20	
116	Giáo trình bệnh truyền nhiễm thú y	Nguyễn Bá Hiên	Nhà XB NN	2012	20	Dịch tễ học thú y
117	Giáo trình Miễn dịch học ứng dụng	Nguyễn Bá Hiên và Trần Thị Lan Hương	NN Hà Nội	2009	20	
118	Giáo trình Miễn dịch học	Phạm Văn Ty	ĐH Quốc gia	2001	20	Miễn dịch học ứng dụng
119	Giáo trình vi sinh vật bệnh truyền nhiễm vật nuôi	Nguyễn Bá Hiên	HN	2007	20	
120	Giáo trình chăn nuôi lợn	Vũ Đình Tôn	NN Hà Nội	2009	20	
121	Giáo trình chăn nuôi lợn	Nguyễn Quang Linh, Phùng Thăng Long	ĐH Huế	2020	20	Chăn nuôi lợn
122	Cẩm nang chăn nuôi lợn	Viện chăn nuôi Việt Nam	NN HN	2006	20	
123	Chăn nuôi lợn trang trại	Nguyễn Thanh Sơn	LĐXH	2006	20	
124	Giáo trình Chăn nuôi gia cầm	Nguyễn Thị Mai	Nhà XB NN Hà Nội	2009	20	
125	Giáo trình Chăn nuôi gia cầm	Trần Thanh Vân, Nguyễn Duy Hoan, Nguyễn Thị Thúy Mỹ	Nhà XB NN Hà Nội	2015	20	Chăn nuôi gia cầm
126	Chăn nuôi gia cầm	Nguyễn Mạnh Hùng	Nhà XB NN Hà Nội	1994	20	
127	Dược lý học phân tử ứng dụng trong Thú y	Phạm Khắc Hiếu	ĐH NN	2016	20	
128	Dược liệu thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2009	20	Dược lý thú y
129	Thuốc điều trị và vaccin sử dụng trong thú y	Phạm Sĩ Lăng	NN	1999	20	
130	Dược liệu thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2009	20	
131	Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam	Đỗ Tất Lợi	Thời đại	2015	20	Dược liệu thú y
132	Sử dụng chế phẩm thảo dược trong chăn nuôi lợn và gà	Lã Văn Kính	ĐH NN	2017	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
133	Dược lý học thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2015	20	
134	Giáo trình chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Xuân Trạch, Mai Thị Thơm và Lê Văn Ban, Nguyễn Mạnh Hùng	NN HN	2006	20	Chăn nuôi gia súc nhai lại
135	Chăn nuôi bò sinh sản	Nguyễn Xuân Trạch	Nhà XB NN HN	2006	20	
136	Nuôi bò thịt	Đinh Văn Cải	Nhà XB TP HCM	2007	20	
137	Giáo trình sinh sản vật nuôi	Phan Vũ Hải	NN	2013		Sân khoa gia súc
138	Giáo trình công nghệ sinh sản vật nuôi	Đào Đức Thà	NN	2016		
139	Sinh lý học vật nuôi	Nguyễn Quang Mai		2004		
140	Giáo trình Bệnh nội khoa gia súc	Phạm Ngọc Thạch	NN HN	2006	20	Bệnh nội, ngoại khoa gia súc
141	Giáo trình Phẫu thuật ngoại khoa thú y	Huỳnh Văn Kháng	Trường ĐH NN HN	2003	20	
142	Giáo trình Bệnh ngoại khoa	Huỳnh Văn Kháng	ĐH NN HN.	2003	20	
143	Giáo trình Chẩn đoán bệnh gia súc	Chu Đức Thắng, Hồ Văn Nam, Phạm Ngọc Thạch	NN HN	2008	20	
144	Giáo trình Dược lý học thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2015	20	
145	Giáo trình bệnh truyền nhiễm Thú y	Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Lê Văn Lãnh và Đỗ Ngọc Thúy	ĐH NN	2012	20	Bệnh truyền nhiễm
146	Giáo trình Dịch tễ học	Nguyễn Như Thanh	NN	2015	20	
147	Giáo trình vi sinh vật bệnh truyền nhiễm vật nuôi	Nguyễn Bá Hiên	HN	2007	20	
148	Giáo trình Ký sinh trùng Thú y	Phạm Văn Khuê, Phan Lục	NN HN	1996	20	Ký sinh trùng thú y
149	Ký sinh trùng và Bệnh ký sinh trùng vật nuôi	Phạm Sỹ Lăng	NN HN	1996	20	
150	Giáo trình bệnh ký sinh trùng thú y	Phan Văn Lục	NN HN	2006	20	
151	Giáo trình vệ sinh vật nuôi	Đỗ Ngọc Hòe	HN	2006	20	Vệ sinh chăn nuôi
152	Sinh thái vật nuôi và ứng dụng trong CN gia súc gia cầm	Phạm Sỹ Tiệp	LĐXH	2006	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
153	Giáo trình xử lý nước thải	Nguyễn Đình Mạnh	NN HN	2009	20	
154	Giáo trình Xử lý chất thải	Nguyễn Đình Mạnh	Nông nghiệp.	2009	20	
155	Giáo trình vệ sinh vật nuôi	Đỗ Ngọc Hòe	HN	2006	20	Quản lý chất thải trong chăn nuôi
156	Sinh thái vật nuôi và ứng dụng trong CN gia súc gia cầm	Phạm Sỹ Tiệp	LĐXH	2006	20	
157	Bệnh của chó, mèo	Nguyễn Văn Thanh Vũ Như Quán Nguyễn Hoài Nam	ĐH Nông nghiệp	2012	20	Bệnh trên động vật cảnh
158	Dược lý thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2015	20	
159	Chẩn đoán bệnh gia súc	Chu Đức Thắng, Hồ Văn Nam, Phạm Ngọc Thạch	Nông nghiệp	2007	20	
160	Giáo trình Chăn nuôi động vật hoang dã,	Nguyễn Văn Thu	Trường Đại học Cần Thơ	2011	20	Bệnh trên động vật hoang dã
161	Small animal emergency and critical care medicine,	Elizabeth A. Rozanski., John E. Rush	Manson Publishing	2007	20	
162	Exotic animal medicine for veterinarian technician,	Bonnie B., Rayon C	Blackwell Publishing	2910	20	
163	Luật Thú y và các quy định mới nhất về nghiệp vụ công tác Thú y	Quang Minh	Lao động	2015	20	Pháp chế thú y
164	Luật thú y		chính trị Quốc gia	2015	20	
165	Luật chăn nuôi		chính trị Quốc gia	2019	20	
166	Hệ thống nông nghiệp	Phạm Tiến Dũng	Nông nghiệp	2013	20	Hệ thống nông nghiệp
167	Hệ thống nông nghiệp	Phạm Chí Thành, Phạm Tiến Dũng	Nông nghiệp	1996	20	
168	Hệ thống nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững	Trần Danh Thìn, Nguyễn huy Trí	Nông nghiệp	2011	20	
169	Giáo trình Nông lâm kết hợp	Phạm Quang Vinh, Phạm Xuân Hòa	Nông nghiệp	2005	20	Nông lâm kết hợp
170	Nông lâm kết hợp	Lê Duy Thuộc	Nông nghiệp	1995	20	
171	Kỹ thuật canh tác nông	Nguyễn Ngọc Bình,		2005	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	lâm kết hợp ở Việt Nam	Phạm Đức Tuấn				
172	Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn	Hoàng Mạnh Quân	Nông nghiệp	2007	20	Lập và quản lý dự án PTNT
173	Giáo trình lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.	2012	20	
174	Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn	ĐHKTQD	Thống kê	1996	20	
175	Giáo trình Phát triển nông thôn	Mai Thanh Cúc, Quyền Đình Hà	ĐH Nông nghiệp	2005	20	Phát triển nông thôn
176	Giáo trình quy hoạch và phát triển nông thôn.	Vũ Thị Bình	ĐH Nông nghiệp Hà Nội.	2006	20	
177	Kinh tế hộ trong nông thôn Việt Nam	Chu Anh Vũ,	Khoa học xã hội	1995	20	Quản trị trang trại
178	Kinh tế hộ - Lịch sử và triển vọng phát triển.	Vũ Anh Tuấn, Trần Thị Vân Anh	Khoa học xã hội	1997	20	
179	Giáo trình Nuôi trồng thủy sản đại cương.	Kim Văn Vạn	Nông nghiệp Hà Nội.	2009	20	Nuôi trồng thủy sản đại cương
180	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản.	Đỗ Đoàn Hiệp – Phạm Tân Tiến	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.	2009	20	
181	Giáo trình khuyến nông	Nguyễn Văn Long	Đại học Nông Nghiệp Hà Nội	2008	20	Khuyến nông
182	Tài liệu tập huấn phương pháp khuyến nông	Đinh Ngọc Lan, Nguyễn Duy Hoan, Tống Khiêm.	Nông nghiệp	2007	20	
183	Khuyến nông	A.W. van den Ban; H.S. Hawkins	Nông nghiệp	1999	20	
184	Giáo trình Marketing nông nghiệp	Nguyễn Nguyên Cự	Đại học Ngoại ngữ Hà Nội	2005	20	Marketing nông nghiệp
185	Giáo trình marketing căn bản	Trần Minh Đạo	ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội	2013	20	
186	Giáo trình kinh tế nông nghiệp	Vũ Đình Thắng	ĐH KTQD HN	2006	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
187	Giáo trình sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học trong nông nghiệp	Lương Đức Phẩm	Giáo dục	2011	20	Chế phẩm sinh học trong nông nghiệp
188	Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp	Nguyễn Xuân Thành	Đại học KHTN	2010	20	
189	Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp và xử lý ô nhiễm môi trường	Nguyễn Xuân Thành	Nông nghiệp	2003	20	
190	Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp	Nguyễn Xuân Thành	Khoa học tự nhiên và công nghệ	2010	20	Công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp
191	Tìm hiểu về chế phẩm vi sinh vật	Chu Thị Thơm	Giáo dục Việt Nam	2006	20	
192	Giáo trình vi sinh vật học công nghiệp	Nguyễn Xuân Thành	Giáo dục Việt Nam	2007	20	
193	Giáo trình Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	Trần Như Khuyên	Hà Nội	2007		Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi
194	Giáo trình công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	Nguyễn Quốc Việt	Hà Nội	2007		
195	Giáo trình kiểm nghiệm thú sản	Nguyễn Thị Bình Tâm, Dương Văn Nhiệm	Khoa học tự nhiên và công nghệ.	2010		Kiểm nghiệm thú sản
196	GT pháp lệnh thú y và kiểm nghiệm sản phẩm vật nuôi	Ngô Thị Hòa	Hà Nội	2005		

Bảng 2.3. Danh mục tạp chí phục vụ cho ngành đào tạo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	Hội chăn nuôi Việt Nam	Nông Nghiệp	5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y
2	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y	Hội thú y Việt Nam		5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y
3	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Khoa học và Công nghệ	5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y
4	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Học viên Nông nghiệp Việt Nam	Đại học Nông nghiệp	5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y
5	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Đại học Nông Lâm TP. HCM	5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y
6	Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp	Trường ĐH Nông Lâm, ĐH Huế	Đại học Huế	5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y
5	Tạp chí Khoa học Công nghệ	Trường Đại học Nông Lâm Thái nguyên	Thái Nguyên	5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y
7	Tạp chí khoa học	Trường Đại học Vinh	Đại học Vinh	5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y
8	Tạp chí khoa học	Trường Đại học Hồng Đức	Thanh Hóa	5	Các học phần Chăn nuôi - Thú y

Bảng 2.6. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)		
1	Phòng học tiếng Anh	07	80	- Ti vi	07	Các học phần tiếng Anh	80	Đúng	
				- Hệ thống tăng âm	07				
				- Loa đài, đĩa	07				
2	Giảng đường	06	160	- Máy chiếu	06	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	160	Đúng	
				- Hệ thống tăng âm	01				
				- Bảng viết	01				
3	Phòng thực hành máy tính	01	50	- Máy tính	40	- Tin học đại cương - Phương pháp NCKH trong chăn nuôi	50	Đúng	
				- Các thiết bị đi kèm	40				

Bảng 2.7. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần
1.	Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học		Giàn nuôi cây	7	Di truyền động vật Công nghệ sinh học Vi sinh vật học Vi sinh vật và miễn dịch học thú y Công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp
2.			Box cấy	3	
3.			Nồi hấp khử trùng	1	
4.			Máy cất nước 2 lần	1	
5.			Máy đo cường độ ánh sáng	1	
6.			Máy đo pH	1	
7.			Tủ sấy Binden	1	
8.			Máy hút âm EDISON	1	
9.			Cân phân tích AB 104	1	
10.			Cân Kỹ thuật Shimadu	1	
11.			Cân phân tích điện tử AUYY 220	1	
12.			Bộ que cấy	2	
13.			Máy PCR	1	
14.			Máy ELISA	1	
15.			Bộ điện di ADN	1	
16.			Kính hiển vi SH 2 mặt	5	
17.			Kính hiển vi soi nổi	3	
18.	Phòng thí nghiệm sinh lý, sinh hóa		Máy đo diện tích lá	1	Sinh lý động vật Hoá sinh học Bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi Kiểm nghiệm thú sản
19.			Máy đo độ quang hợp	1	
20.			Máy đo cường độ ánh sáng	1	
21.			Máy xác định độ thủy phân của lá	1	
22.			Máy đo độ đường	1	
23.			Máy sohex dầu mỡ	1	
24.			Máy lên men biotat	1	
25.			Máy so màu quang phổ	1	
26.			Máy qang kế ngọn lửa	1	
27.			Máy đo pH	1	
28.			Máy khuấy từ	1	
29.			Máy lắc	1	
30.			Tủ sấy	1	
31.			Máy cất nước 2 lần	1	
32.			Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ	1	
33.			Cân kỹ thuật điện tử	2	
34.			Kính hiển vi SH 2 mặt	5	
35.	Phòng thí nghiệm Nông hóa - Thổ nhưỡng		Sắc ký lỏng cao áp HPLC	1	Sinh thái môi trường Khoa học môi trường Khí tượng nông nghiệp Vệ sinh chăn nuôi
36.			Máy quang phổ lượng	1	
37.			Máy quang kế ngọn lửa	1	
38.			Hệ thống thiết bị chưng cất đạm	1	
39.			Máy li tâm chạy điện 1K-6K	1	
40.			Lò nung FM20 -	1	
41.			Máy li tâm	1	

42.			Tủ bảo quản mẫu	1	
43.			Bê ôn nhiệt		
44.			Máy đo PH cầm tay	1	
45.			Máy khuấy RW 20IKA	1	
46.			Máy lắc ngang	1	
47.	Phòng thí nghiệm Chăn nuôi - Thú y		Súng cấy phôi đại gia súc	1	Chọn và nhân giống vật nuôi Dinh dưỡng và thức ăn gia súc Bệnh lý và chẩn đoán bệnh gia súc Dịch tễ học thú y Miễn dịch học ứng dụng Chăn nuôi lợn Chăn nuôi gia cầm Dược lý thú y Dược liệu thú y Chăn nuôi gia súc nhai lại Sân khoa gia súc Bệnh nội, ngoại khoa gia súc Bệnh truyền nhiễm Ký sinh trùng thú y
48.			Buồng cấy vi sinh LVC - 3A1 ESCO	1	
49.			Kính hiển vi soi nổi K400L MOTIC	1	
50.			Kính kiến vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	7	
51.			Lò nung FM12 - DAI HAN	1	
52.			Máy chẩn đoán gia súc có chữa	2	
53.			Máy đánh giá phẩm chất tinh IMV 019951	1	
54.			Máy đếm khuẩn lạc SC6 BARLOWORLD	1	
55.			Máy đo độ dày lớp mỡ Lean Meater RENCO	2	
56.			Máy hút âm ED168 EDISON	1	
57.			Máy phân tích sữa ART-Nr.3250 FUNKE GERBER	1	
58.			Tủ âm 626-5/EX	1	
59.			Tủ lạnh National 150 lít	1	
60.			Máy hút bụi PhilipS FC 8396	1	
61.			Tủ sấy Memmert	1	
62.			Máy xay cơ mini	1	
63.			Cốc lọc phôi	1	
64.	Trại thí nghiệm thực hành		Chuồng nuôi gà (m ²)	500	Chọn và nhân giống vật nuôi Dinh dưỡng và thức ăn gia súc Bệnh lý và chẩn đoán bệnh gia súc Dịch tễ học thú y Miễn dịch học ứng dụng Chăn nuôi lợn Chăn nuôi gia cầm Dược lý thú y Dược liệu thú y Chăn nuôi gia súc nhai lại Sân khoa gia súc Bệnh nội, ngoại khoa gia súc Bệnh truyền nhiễm Ký sinh trùng thú y
65.			Chuồng nuôi bò (m ²)	300	
66.			Vườn trồng cỏ cho trâu bò (m ²)	10.000	
67.			Vườn cây tiêu bản	700	
68.			Hệ thống tưới nước (hệ thống)	1	
69.			Ao, hồ (m ²)	3.200	
70.			Sân chơi cho gà	1000	
71.			Kho để dụng cụ	100	

3. HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Hoạt động nghiên cứu các đề tài, dự án được triển khai đồng bộ, đa lĩnh vực: giai đoạn 2011 - 2021, Nhà trường đã chủ trì thực hiện 567 đề tài/dự án KH&CN các cấp. Số lượng các đề tài cấp cao (cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Nhà nước) tăng vượt bậc; sản phẩm nghiên cứu ngày càng gắn kết chặt với thực tế sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Hoạt động công bố kết quả nghiên cứu và Tạp chí khoa học có bước phát triển vượt bậc: Cán bộ, giảng viên Nhà trường đã công bố 3.218 bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, trong đó có 366 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế (273 bài trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science, Scopus). Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức đã được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình 05 ngành; từ năm 2017, Tạp chí được tham gia dữ liệu Tạp chí khoa học Việt Nam trực tuyến.

Hoạt động NCKH sinh viên được đẩy mạnh: Sinh viên toàn trường đã thực hiện 1.080 đề tài khoa học, trong đó có 355 đề tài đạt giải cấp trường, 19 đề tài đạt giải cấp Bộ GD&ĐT (03 giải Nhì, 09 giải Ba và 07 giải Khuyến khích).

Giai đoạn 2011-2021, hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường có bước phát triển vượt bậc. Kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án; kết quả ứng dụng, chuyển giao KH-CN đã đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tại Trường; phục vụ trực tiếp sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước. Nhiều đề tài, dự án KH&CN do Trường Đại học Hồng Đức chủ trì là cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược và xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế các địa phương, ngành, lĩnh vực của Tỉnh; uy tín, vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Hồng Đức ngày càng được nâng cao.

Giai đoạn 2011 – 2021, cán bộ giảng viên khoa Nông Lâm Ngư nghiệp đã và đang thực hiện được 8 đề tài cấp bộ; 18 đề tài, dự án cấp tỉnh; 115 đề tài NCKH cấp cơ sở; viết và đăng gần 300 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước; viết 3 giáo trình dùng cho đại học; biên soạn hàng trăm bài giảng các học phần chuyên môn theo hệ thống tín chỉ. Tổ chức hướng dẫn cho gần 100 nhóm sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có 8 đề tài đạt giải cấp bộ, 4 đề tài đạt giải sáng tạo kỹ thuật Việt Nam Vifotech; 7 đề tài đạt giải hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học Cao đẳng khối Nông - Lâm - Ngư - Thủy toàn quốc; 42 đề tài đạt giải cấp trường. Riêng trong lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y, cán bộ giảng viên đã và đang chủ trì thực hiện được 2 đề tài cấp bộ; 2 đề tài cấp tỉnh; tham gia thành viên thực hiện 1 đề tài cấp nhà nước.

4. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Giai đoạn 2011 - 2021, hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) đã có bước phát triển mới, nhiều chương trình hợp tác được triển khai hiệu quả, góp phần thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa giáo dục đại học. Chất lượng công tác quản lý hoạt động HTQT được nâng cao; các văn bản quản lý về HTQT ngày càng hoàn thiện. Phạm vi, hình thức hợp tác quốc tế được mở rộng, đã kí kết 24 biên bản ghi nhớ về hợp tác trong đào tạo và

NCKH. Công tác đoàn ra, đoàn vào được thực hiện đúng quy định, hiệu quả với 130 đoàn ra và 124 đoàn vào.

Nhà trường đã khai thác được nhiều nguồn tài trợ của đối tác nước ngoài có giá trị kinh tế đáng kể: Triển khai hiệu quả 8 chương trình tài trợ chuyên gia và trợ giảng tiếng Anh (khoảng hơn 80 ngàn USD/chương trình); triển khai 2 chương trình thực tập sinh cho sinh viên ngành CNTT; triển khai 7 khóa tài trợ bồi dưỡng năng lực và phương pháp dạy học tiếng Anh cho hàng trăm giảng viên trường đại học, giáo viên tiếng Anh THPT trên toàn tỉnh; triển khai 4 khóa tài trợ tập huấn khởi nghiệp cho hàng trăm CBGV, sinh viên. Các chương trình đã góp phần nâng cao năng lực ngoại ngữ cho CBGV và sinh viên. Công tác liên kết đào tạo với nước ngoài được triển khai thành công: đã liên kết đào tạo 64 học viên cao học với trường đại học Soongsil - Hàn quốc, tạo cơ sở cho các chương trình liên kết tiếp theo của Nhà trường.

Nhà trường đã đào tạo được 836 lưu học sinh Lào bậc đại học và sau đại học. Nhiều lưu học sinh Lào tốt nghiệp từ Trường hiện đang nắm giữ những vị trí quan trọng trong các cơ quan nhà nước của tỉnh Hòa Phấn, đóng góp thiết thực cho việc xây dựng tình đoàn kết hữu nghị Việt - Lào ngày càng vững mạnh.

Trong thời gian qua, cán bộ giảng viên trong khoa Nông Lâm Ngư nghiệp đã tham gia thực hiện thành công dự án “Liên kết để thành công trong giáo dục nông nghiệp giữa 3 trường đại học của Canada và 5 trường đại học Việt Nam”, từ nguồn kinh phí tài trợ của chính phủ Canada. Tham gia thực hiện dự án “Hỗ trợ lồng ghép các nội dung về biến đổi khí hậu vào trong chương trình đào tạo của các trường đại học nông nghiệp Việt Nam”. Ba trường đại học Việt Nam tham gia thực hiện dự án là trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, trường Đại học Hồng Đức và trường Đại học Nông Lâm Huế. Trường Đại học Wageningen Hà Lan làm chủ dự án; thời gian thực hiện 5 năm (2011 - 2015); kinh phí hỗ trợ của Chính phủ Hà Lan ”.

Phần thứ ba

TÓM TẮT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt về chương trình đào tạo

Đào tạo kỹ sư Chăn nuôi - Thú y có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên môn hoàn chỉnh; có năng lực thực hành và vận dụng có hiệu quả các vấn đề lý thuyết vào thực tiễn công tác chuyên môn; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi và phòng điều trị bệnh cho vật nuôi đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái; có năng lực tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn ở trình độ cao hơn để đáp ứng với yêu cầu của xã hội ngày càng phát triển và có thể học tiếp ở bậc cao học. Có trình độ tiếng Anh 3/6 khug năng lực ngoại ngữ Châu Âu và chuẩn trình độ tin học theo quy định hiện hành.

Chương trình được xây dựng với khối lượng kiến thức toàn khóa theo thời gian đào tạo 4,5 năm đến 5 năm với 150 tín chỉ, Trong đó, khối kiến thức chung 39 tín chỉ; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 111 tín chỉ gồm kiến thức cơ sở ngành 23 tín chỉ, kiến thức ngành 48 tín chỉ, kiến thức bổ trợ 17 tín chỉ, thực tập nghề nghiệp 9 tín chỉ, thực tập tốt nghiệp 4 tín chỉ và đồ án tốt nghiệp 10 tín chỉ.

Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Người học được trang bị kiến thức về triết học và kinh tế chính trị Mác – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hiểu biết về pháp luật và chính sách của nhà nước để vận dụng thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước trong quá trình thực hiện công tác quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng gia súc, gia cầm.

- Trang bị các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn để vận dụng phù hợp với chuyên ngành Chăn nuôi - Thú y.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

- Người học được trang bị kiến thức về các quá trình sinh lý, sinh hóa và tác động của các yếu tố môi trường sống: khí hậu, dinh dưỡng, thức ăn, dịch bệnh đến sự sinh trưởng, phát triển, năng suất và chất lượng vật nuôi;

- Người học được trang bị kiến thức, kỹ năng về quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng và trị bệnh, bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an toàn thực phẩm và môi trường sinh thái.

- Người học có kiến thức, kỹ về việc xây dựng kế hoạch và nội dung đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng và quản lý trang trại; cải tiến phương pháp chăn nuôi, xây dựng hệ thống chăn nuôi phù hợp; xây dựng dự án phát triển nông thôn và quảng bá, giới thiệu các sản Chăn nuôi - Thú y.

- Người học được trang bị kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học và

thiết kế, triển khai thí nghiệm trong nghiên cứu thuộc lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y; hiểu biết về nguyên tắc hoạt động của một số thiết bị, máy móc trong phòng thí nghiệm để phân tích các chỉ tiêu lý, hóa sản phẩm chăn nuôi, chẩn đoán các nguyên nhân gây bệnh trên động vật; có kiến thức về xử lý thống kê sinh học bằng các phần mềm phổ biến trong phân tích kết quả nghiên cứu.

Bảng 3.1: Tổng quan về thời lượng của Chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
Khối kiến thức giáo dục đại cương	39 tín chỉ	26,00%
Học phần bắt buộc	35 tín chỉ	89,74%
Học phần tự chọn	04 tín chỉ	10,26%
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111 tín chỉ	74,00%
Học phần bắt buộc	77 tín chỉ	69,37%
Học phần tự chọn	34 tín chỉ	30,63%
Kiến thức cơ sở ngành	23 tín chỉ	20,72%
Học phần bắt buộc	20 tín chỉ	86,96%
Học phần tự chọn	3 tín chỉ	13,04%
Kiến thức ngành	48 tín chỉ	43,24%
Học phần bắt buộc	34 tín chỉ	70,83%
Học phần tự chọn	14 tín chỉ	29,17%
Khối kiến thức bổ trợ	17 tín chỉ	15,31%
Học phần bắt buộc	0 tín chỉ	0,00%
Học phần tự chọn	17 tín chỉ	100,00%
Thực tập nghề nghiệp	09 tín chỉ	8,11%
Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp	14 tín chỉ	12,62%
Tổng	150 tín chỉ	100%

2. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo kỹ sư Chăn nuôi - Thú y được xây dựng cho toàn khóa học trong thời gian 4,5 năm đến 5 năm (9 học kỳ), bao gồm 150 tín chỉ chưa bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng an ninh, trung bình mỗi kỳ học sinh viên học 16 đến 17 tín chỉ. Trong đó 3 kỳ học đầu tiên chủ yếu thực hiện học tập khối kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng an ninh. Kỳ học thứ 4,5,6 tập trung vào khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Học kỳ thứ 7,8 tiếp tục là kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ, thực tập nghề nghiệp. Học kỳ thứ 9 sinh viên thực hiện thực tập và đồ án tốt nghiệp.

Bảng 3.2: Kế hoạch đào tạo dự kiến

1. Năm thứ 1				
<i>Học kỳ 1</i>				
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ lý thuyết	Thực hành/bài tập
1	Triết học Mác- Lê nin	3	32	26
2	Tiếng Anh 1	4	36	48
3	Xác suất thống kê	3	27	36
4	Hóa học	2	18	24
5	Tin học	2	10	40
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	18	24
	Giáo dục thể chất 1	2	10	40

	Tổng số tín chỉ	16		
<i>Học kỳ 2</i>				
1	Kinh tế chính trị Mác- Lê nin	2	21	18
2	Tiếng Anh 2	3	27	36
3	Công nghệ sinh học	3		
	Giáo dục thể chất 2 (chọn 1 trong 5 học phần)			
a	Bóng chuyền	2	0	60
b	Thể dục Aerobic	2	0	60
c	Bóng đá	2	0	60
d	Bóng rổ	2	0	60
e	Vovinam – Việt võ đạo	2	0	60
4	Hoá sinh học	3		
5	Giải phẫu – Mô động vật	4	30	60
6	Di truyền	3	27	36
	Tổng số tín chỉ	18		
2. Năm thứ 2				
<i>Học kỳ 3</i>				
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18
2	Pháp luật đại cương	2	18	24
3	Tiếng Anh 3	3	27	36
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Sinh thái môi trường	2	15	30
b	Khoa học môi trường	2	15	30
c	Khí tượng nông nghiệp	2	15	30
5	Sinh lý động vật	4	30	60
6	Chọn và nhân giống vật nuôi	3	18	54
7	Vì sinh vật học	2		
	Tổng số tín chỉ	18		
<i>Học kỳ 4</i>				
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	18
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Phương pháp NCKH trong CNTY	3	27	36
b	Thiết kế thí nghiệm	3	27	36
4	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	4	30	60
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Dịch tễ thú y	3	18	54
b	Miễn dịch học ứng dụng	3	18	54
6	Bệnh lý và chẩn đoán bệnh gia súc	4	30	60
	Tổng số tín chỉ	18		
3. Năm thứ 3				
<i>Học kỳ 5</i>				
1	Chăn nuôi gia cầm	4	30	60
2	Chăn nuôi lợn	4	30	60
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Dược lý thú y	3	18	54
b	Dược liệu thú y	3	18	54
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Tâm lý lao động	2	18	24
b	Khởi sự kinh doanh	2	18	24
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			

a	Lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	3	18	54
b	Phát triển nông thôn	3	18	54
	Tổng số tín chỉ	16		
<i>Học kỳ 6</i>				
1	Chăn nuôi gia súc nhai lại	4	30	60
2	Bệnh nội, ngoại khoa gia súc	4	30	60
3	Sinh sản vật nuôi	4	30	60
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	2	30	60
b	Kiểm nghiệm thú sản	2	30	60
5	Rèn nghề chăn nuôi	3		135
	Tổng số tín chỉ	16		
4. Năm thứ 4				
<i>Học kỳ 7</i>				
1	Bệnh truyền nhiễm	4	30	60
2	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Bệnh dinh dưỡng vật nuôi	3	18	54
b	Ký sinh trùng thú y	3	18	54
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Bệnh trên động vật cảnh	3	18	54
b	Bệnh trên động vật hoang dã	3	18	54
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Khuyến nông	3	18	54
a	Marketing trong nông nghiệp	3	18	54
b	Rèn nghề thú y	3		135
	Tổng số tín chỉ	16		
<i>Học kỳ 8</i>				
1	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Vệ sinh chăn nuôi	2	15	30
b	Quản lý chất thải trong chăn nuôi	2	15	30
2	Pháp chế chăn nuôi - thú y	3	27	36
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Nuôi trồng thủy sản đại cương	3	18	54
b	Quản trị trang trại	3	18	54
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Hệ thống nông nghiệp	3	18	54
b	Nông lâm kết hợp	3	18	54
5	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	Chế phẩm sinh học trong NN	3	18	54
a	Công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp	3	18	54
6	Công trình tổng hợp	3		135
	Tổng số tín chỉ	17		
5. Năm thứ 5				
<i>Học kỳ 9</i>				

1	Thực tập tốt nghiệp	4	0	180
2	Đồ án tốt nghiệp	10	0	450
	Tổng số tín chỉ	14		

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức phải tích lũy: 150 Tín chỉ (Không kể GDQP và GDTC)

Thời gian đào tạo: 4,5 đến 5 năm (54 tháng đến 60 tháng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

5. Dự kiến tuyển sinh

Dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu theo phương thức xét học bạ và kết quả thi THPT Quốc gia với chỉ tiêu 50 sinh viên/năm học

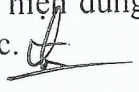
Phần thứ tư:
ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học như sau:

<http://hdu.edu.vn/vi-vn/38/Bao-cao-3-cong-khai/>

2. Cam kết triển khai thực hiện

Trong quá trình thực hiện việc quản lý và đào tạo người học theo chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Hồng Đức cam kết sẽ thực hiện đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hồng Đức. 

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 02 năm 2022


HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Văn Dũng

PHẦN C: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo
2. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
3. Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng, Giấy xác nhận về việc chỉnh sửa chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng
4. Chương trình đào tạo và đề cương học phần

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ soạn thảo CTĐT ngành Chăn nuôi-Thú y

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Chăn nuôi-Thú y**, mã số 7602119, gồm:

1. Ông Lê Văn Ninh	TK. Nông-Lâm-Ngư nghiệp	Tổ trưởng
2. Ông Đỗ Ngọc Hà	PBM. Khoa học vật nuôi	Tổ phó
3. Ông Hoàng Văn Sơn	Giảng viên khoa NLNN	Ủy viên
4. Bà Phan Thị Tươi	Giảng viên khoa NLNN	Ủy viên
5. Bà Nguyễn Thị Hải	Giảng viên khoa NLNN	Ủy viên-Thư ký

Điều 2. Tổ soạn thảo chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc xây dựng chương trình đào tạo theo hướng phát huy năng lực và định hướng ứng dụng nghề nghiệp, hoàn thành trước ngày 20/02/2022 để trình Hiệu trưởng thành lập Hội đồng thẩm định phê duyệt và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành; Tổ soạn thảo chương trình đào tạo tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa NLNN và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, QLĐT



Bùi Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
- TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
Số 336/QĐ-ĐHHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thanh Hoá, ngày 21 tháng 2 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Chăn nuôi - Thú y trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 22/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-ĐHHĐ và Quyết định số 148/QĐ-ĐHHĐ ngày 11/01/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức về việc giao nhiệm vụ Ban xây dựng Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học và Tổ soạn thảo CTĐT ngành Chăn nuôi-Thú y trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành **Chăn nuôi - Thú y** trình độ đại học, gồm các ông (bà) có tên sau: (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành **Chăn nuôi - Thú y** trình độ đại học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường Đại học Hồng Đức và được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trường phòng Quản lý đào tạo, phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

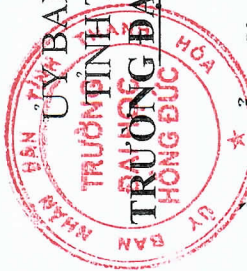
- Như Điều 3;

- Lưu: VT, QLĐT

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Chăn nuôi-Thú y
(Kèm theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHĐ ngày 21/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ/Đơn vị công tác	Nhiệm vụ trong Hội đồng
1	Ông Phạm Ngọc Thạch	PGS, TS	Thú y	Giảng viên cao cấp khoa Thú y Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chủ tịch
2	Ông Đậu Bá Thìn	PGS, TS	Sinh học	Trưởng phòng Quản lý đào tạo Trường Đại học Hồng Đức	Ủy viên thư ký
3	Ông Đỗ Đức Lực	PGS, TS	Chăn nuôi	Giảng viên cao cấp khoa Chăn nuôi Học viện Nông nghiệp Việt Nam	UV phản biện 1
4	Bà Hoàng Thị Mai	TS	Chăn nuôi	Giảng viên Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Trường Đại học Vinh	UV phản biện 2
5	Ông Mai Thế Sang	ThS	Chăn nuôi-Thú y	Phó Chi cục trưởng, Chi cục Chăn nuôi-Thú y, Sở NN và PTNT tỉnh Thanh Hóa	Ủy viên

(Ấn định danh sách gồm 05 thành viên)./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Hôm nay, vào lúc 9^h ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại V.P.Khoa Nông Lâm -
Ngư. nghiệp..... Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều
kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành **Chăn nuôi-Thú y** (Theo Quyết định số
336/QĐ-ĐHHD ngày 21/02/2022) của Trường ĐH Hồng Đức họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

- 1... PGS. TS. Phạm Ngọc Thạch Chủ tịch Hội đồng.....
- 2... PGS. TS. Đỗ Đức Lực Ủy viên Phạm Lực..... 1.....
- 3... TS. Hoàng Thị Mai Ủy viên Phạm Lực..... 2.....
- 4... TS. Mai Thế Sang Ủy viên.....
- 5... PGS. TS. Đào Bá Thuận Ủy viên Thư ký.....

II. Nội dung

1. Trường báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng, nội dung chương trình đào tạo
các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành **Chăn nuôi - Thú y**

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định

2.1. Các phản biện đọc nhận xét

2.2. Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi

- ... ① PGS. TS. Đỗ Đức Lực :
- - Đầu đầu nơ? dùng công trình tổng hợp / sản xuất là gì?
- - Xác định học phần có mã và nội dung?
- - Tổng cường thời lượng thực tế, thực tập?
-
- ... ② TS. Hoàng Thị Mai :
- - Tổng cường HP thực tập giao trình và phân biệt
- HP thực tập nghề chăn nuôi / thực tập nghề thú y
- với thời lượng phân bổ?
- - Thực hiện để minh theo quy định
- ... ③ PGS. TS. Phạm Ngọc Thạch
- - Xác định chức năng đào tạo cụ thể của học phần?
- và sử dụng các tài có thể hướng dẫn được?
- - Xác định đầu vào bắt buộc, tự chọn phù hợp?

4. Ths. Mai Thi Sang:

... - Bà ấy mua tiền chúng, em thế phải hợp theo người.

Chào mỗ. Ths. y;

... - Bà ấy thêm như vậy đây là qua có tên cấp.

nhập, mỗ nhập, mỗ tài.

5. PGS. TS. Đào Bá Thi.

... - Kẽ này cấp nhập họ phải cấp về theo yêu cầu.

Chứng mỗ / người tài tạo.

... - Cấp nhập tài liệu mỗ, và bản mỗ!

3. Trả lời của Tổ soạn thảo CTĐT:

- Công tác tập hợp / sưu tập... là rất việc hoàn thành các... học... ngoài... sẽ... chức... một... qui... cụ thể... để... ra... phải...
- Học... phải... qui... bộ... học... phải...
- Học... CTĐT... đã... được... phục vụ... thực tế... thực tập... đã... còn... phải... học... tại... các... HP... chuyên... môn... khác...
- Báo... thảo... tiếp... theo... ý... để... và... soạn... để... cấp... nhà... chính... nhà... đã... xây... và... hoặc... thực... theo... đúng... qui... định... và... có... chất... lượng...
- Tập... tục... thực... hiện... cấp... nhà... đã... xây... tại... liên... quan... khác... các... qui... định... mới... về... lĩnh vực... ngoài... dự... kiến... mà... từng... mình... đã... tạo...

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

- P. GS. TS. Đỗ Đức Lực - Tổng thư
- P. GS. TS. Đào Bá Thế - Thư ký
- TS. Hoàng Phú Mai - UV

5. Trường ban kiểm phiếu công bố kết quả

- Số phiếu thăm định CTĐT phát ra: 05
- Số phiếu thăm định CTĐT thu vào: 05
- Số phiếu hợp lệ: 05
- Số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu thăm định CTĐT đạt yêu cầu: 05
- Số phiếu thăm định CTĐT không đạt yêu cầu: 0

6. Kết luận của Hội đồng thăm định

... Chương trình đào tạo thực tiễn đại học ngoài. Chế độ: Thứ 7
Đến xây dựng đơn báo cáo cấp. Học thức và kỹ năng của người
học sau khi tốt nghiệp.
... Mục tiêu, cấu trúc, thời lượng, nội dung chương trình, đề cương
học phần, đơn báo cáo yêu cầu.
... Các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và tài liệu.
... Phân bổ đào tạo, đáp ứng yêu cầu, đơn báo cáo, lượng
của chương trình đào tạo theo qui định hiện hành.
... Tổng số học sinh, sinh viên, đơn báo cáo, đơn báo cáo ngoài.
Thứ 7, đơn báo cáo đại học.

Phiên họp kết thúc vào hồi 12h, ngày 25. tháng 02. năm 2022

Chữ ký của các thành viên Hội đồng

Ủy viên Phản biện 1

.....

Đỗ Đức Lân

Ủy viên Phản biện 2

.....

Hoàng Thị Ngọc

Ủy viên

.....
Mai Thế Sang

Thư ký Hội đồng

.....
Đào Bá Thìn

Chủ tịch Hội đồng

.....

Phạm Ngọc Thạch

XÁC NHẬN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

TL, HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC

PGS, TS. Đào Bá Thìn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: ... Phạm Ngọc Thạch ...

(theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHHD ngày 21/02/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: ... Chủ tịch ...

Ngành đào tạo: **Chăn nuôi - Thú y** Mã số: **7620119**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu, ... phục vụ quá trình đào tạo)	<u>Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất tài liệu, các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (các điều kiện trên) đảm bảo chất lượng đào tạo</u>	- Đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT đào tạo - Đáp ứng yêu cầu thực tế
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	<u>Đội ngũ giảng viên và chuyên môn về chăn nuôi, thú y</u>	Đáp ứng yêu cầu đào tạo
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	<u>Mục tiêu của chương trình, cập nhật kiến thức mới, nhất là thực tiễn</u>	Đáp ứng yêu cầu đào tạo
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....)	<u>Cấu trúc chương trình đào tạo hợp lý giữa các học phần, thời lượng từng học phần và kiến thức thực tiễn, thời lượng của từng học phần</u>	Đáp ứng yêu cầu đào tạo
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	<u>Thời lượng chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT đào tạo và kiến thức thực tiễn và kiến thức chuyên môn</u>	Đáp ứng yêu cầu đào tạo
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	<u>Nội dung của chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu và phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước</u>	Đáp ứng yêu cầu đào tạo

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
7	Đề cương của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Nội dung, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu đào tạo	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác

Như viết đề cương cần kiểm tra và đạt một số yêu cầu
mức độ hoàn thiện đáp ứng yêu cầu cũng như các góp ý của các thành
viên hội đồng và các phản biện

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,)

→ Chung kết đào tạo đáp ứng yêu cầu và đạt yêu cầu
→ Mục tiêu, nội dung và đáp ứng yêu cầu, qui định và đáp ứng
và thực hiện
→ Các điều kiện và hình thức đáp ứng yêu cầu
Đào tạo, giảng dạy, thực hành
Kế hoạch đáp ứng yêu cầu đào tạo và yêu cầu thực hiện

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký, tên)

Phạm Ngọc Thạch



ỦY BAN NHÂN DÂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: Đào Bá Thư

(theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHHD ngày 21/02/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: lý luận, thực tiễn

Ngành đào tạo: **Chăn nuôi - Thú y** Mã số: **7620119**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu,phục vụ quá trình đào tạo)	<u>Có đầy đủ, đáp ứng yêu cầu</u>	<u>Đáp ứng yêu cầu</u>
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	<u>Có đầy đủ minh chứng</u>	<u>Đáp ứng yêu cầu</u>
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	<u>- Rõ ràng, phù hợp</u>	<u>Đáp ứng yêu cầu</u>
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....)	<u>- Phù hợp</u>	<u>Đáp ứng yêu cầu</u>
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	<u>Phù hợp</u>	<u>Đáp ứng yêu cầu</u>
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	<u>- Rõ ràng, hiện đại, phù hợp</u>	<u>Đáp ứng yêu cầu</u>

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
7	Đề cương của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Có rõ ràng, đầy đủ, đầy đủ quản lý.	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác

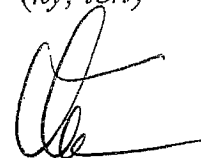
- Kế hoạch, cập nhật tài liệu mới.
- Chuẩn bị bằng mã học phù hợp.

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa.)

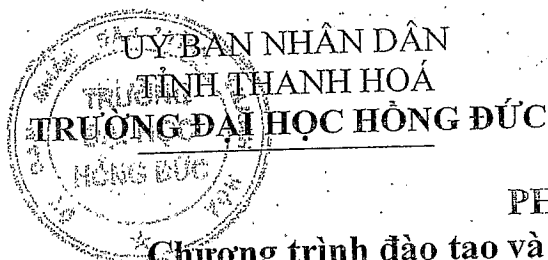
Đạt yêu cầu

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký, tên)



Đào Bá Thừa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: Đỗ Đức Lực

(theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHHD ngày 21/02/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên – Phản biện 1

Ngành đào tạo: **Chăn nuôi - Thú y** Mã số: **7620119**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu,phục vụ quá trình đào tạo)	- 44 giảng viên (22 tiến sỹ và 24 thạc sỹ) tham gia giảng dạy chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Chăn nuôi – Thú y (CNTY). Trong đó, 6 giảng viên đứng chuyên ngành (2 tiến sỹ và 4 thạc sỹ) và 7 giảng viên ngành gần (2 tiến sỹ và 5 thạc sỹ); - 196 giáo trình và tài liệu tham khảo, 8 tạp chí chuyên ngành; - 8 phòng học, 6 giảng đường, 4 phòng thực hành/ phòng thí nghiệm và 1 trại thực nghiệm	Đáp ứng yêu cầu
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Đây là ngành mới không có trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV nên Ban soạn thảo CTĐT ngành CNTY đã tiến hành khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và thú y, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa và các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp của 27 huyện, thị trên địa bàn tỉnh), tham khảo 2 CTĐT trong nước và 2 CTĐT của nước ngoài	Đáp ứng yêu cầu
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	- Mục tiêu của CTĐT rõ ràng. Tuy nhiên cần bổ sung thêm căn cứ xây dựng CTĐT. Mục tiêu cụ thể cần nêu ngắn gọn hơn thể hiện được năng lực của người học khi tốt nghiệp;	Đáp ứng yêu cầu

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: <i>Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....</i>)	Tổng số TC của CTĐT là 150 TC trong đó kiến thức đại cương 39 TC (35 bắt buộc + 4 tự chọn) và 111 TC chuyên ngành (83 bắt buộc + 28 tự chọn); các khối kiến thức, thời lượng và tiến trình của các học phần tương đối hợp lý.	Đáp ứng yêu cầu
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	Thời lượng 4,5 năm cho CTĐT 150 TC là phù hợp	Đáp ứng yêu cầu
6	Nội dung của chương trình đào tạo (<i>đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước</i>)	Nội dung của CTĐT đáp ứng được mục tiêu CTĐT, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tuy nhiên chưa thể hiện rõ tính hội nhập	Đáp ứng yêu cầu
7	Đề cương của học phần/môn học (<i>mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo</i>)	Đề cương của các HP về cơ bản thể hiện được mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác

- Rà soát lại danh sách giảng viên (TS. Mai Thành Luân), bổ sung ThS Trần Xuân Cương vào danh sách giảng viên ngành gần; cần lập riêng danh sách giảng viên và ghi rõ những giảng viên đúng ngành hoặc ngành gần;
- Cần liệt kê riêng số lượng giáo trình và tài liệu tham khảo; cần bổ sung thêm các tài liệu mới (xuất bản trong 5 năm trở lại đây);
- Bổ sung cơ sở dữ liệu, tạp chí nước ngoài (nếu có);
- Bổ sung căn cứ xác định mục tiêu CTĐT gồm: Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường và của Khoa (nếu có);
- Rà soát tổng tín chỉ của các học phần đối với các tín chỉ tự chọn và bắt buộc;
- Số chuẩn đầu ra (CDR) cần viết gọn lại còn 9 đến 12 chuẩn. CDR cần thể hiện năng lực của người học khi tốt nghiệp (Kiến thức, Kỹ năng và Thái độ) và bắt đầu bởi một động từ theo thang bloom. CDR cũng cần được xây dựng dựa trên Luật Giáo dục và Khung trình độ quốc gia.
- Cần rà soát lại ma trận Mục tiêu và CDR của CTĐT; mức độ đóng góp của CDR vào ma trận này;
- Cần rà soát lại ma trận CDR của CTĐT và các HP; mức độ đóng góp của các HP vào ma trận này;
- Bổ sung mối liên hệ giữa các HP và đóng góp của các HP học trước cho các HP học sau

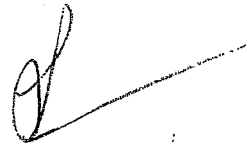
- Rà soát lại các HP tiên quyết để có thể để đảm bảo tính khả thi đối với người học
- Một số HP cần rà soát lại thời lượng để phù hợp với mục tiêu của CTĐT như Thực tập nghề nghiệp
- Trong đề cương cần thể hiện sự đóng của HP vào CDR của CTĐT

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,)

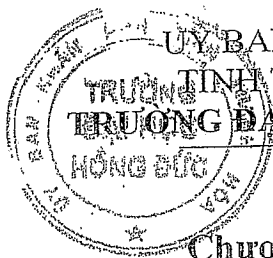
Chương trình đào tạo ngành CNTT và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng được các yêu cầu theo quy định. Nhóm Soạn thảo cần hoàn thiện và chỉnh sửa theo các góp ý đã nêu trên.

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký, tên)



Đỗ Đức



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: Phạm Thị Ngọc

(theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHHD ngày 21/02/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: UV. Phạm Ngọc

Ngành đào tạo: **Chăn nuôi - Thú y** Mã số: **7620119**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu, ... phục vụ quá trình đào tạo)	- Thời gian giảng dạy có huấn có 02 TS đứng chuyên ngành và 4 Thạc sĩ đứng chuyên ngành. - Cơ sở vật chất, tài liệu đáp ứng yêu cầu.	Đáp ứng yêu cầu đào tạo.
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	- Căn cứ cơ sở để xây dựng CTĐT theo đầy đủ những căn cứ theo đúng quy định của pháp luật và thực tiễn để quốc gia Việt Nam.	Đáp ứng yêu cầu
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	- Đáp ứng yêu cầu đào tạo theo nhu cầu thực tiễn của xã hội - Thú y.	Đáp ứng yêu cầu
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....)	Cấu trúc chương trình đào tạo hợp lý. Việc phân chia các khối kiến thức và thời lượng của các học phần hợp lý.	Đáp ứng yêu cầu
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	Đảm bảo thời lượng để đào tạo và cấp bằng kỹ sư Chăn nuôi - Thú y.	Đáp ứng yêu cầu.
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	Nội dung của chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; đảm bảo tính hiện đại, hội nhập và phù hợp yêu cầu phát triển KT - XH.	Đáp ứng yêu cầu.

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
7	Đề cương của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Đề cương học phần đã nêu rõ nội dung, mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.	Đáp ứng yêu cầu.

Những ý kiến khác

- Về tên, hình thức, nội dung, phương pháp giảng dạy, tài liệu tham khảo.
- Về việc chọn lọc các mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Về soát lại ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ma trận tổng hợp của các học phần và mức độ đạt chuẩn đầu ra cho học và liên lý.

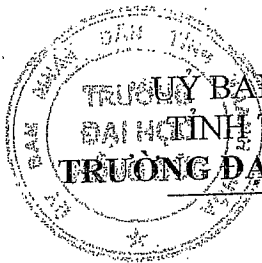
Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,)

Chương trình đào tạo và các điều kiện để mở mã ngành đào tạo đã được đánh giá đạt yêu cầu. Chương trình đào tạo được nuôi - Thụ ý.

Thành viên Hội đồng thẩm định

(kí, tên)


Hoàng Thị Mai



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
THÀNH PHỐ THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU THẨM ĐỊNH

Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: Mai Thị Sang.....

(theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHHD ngày 21/02/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức)

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: Uỷ viên.....

Ngành đào tạo: **Chăn nuôi - Thú y** Mã số: **7620119**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, tài liệu,phục vụ quá trình đào tạo)	Đội ngũ giảng viên ngành chuyên sâu có TS (Chăn nuôi, Thú y); giảng viên có bằng, chuyên ngành gần cơ Thú, kỹ sư động dục, cơ sở vật chất của phòng đảm bảo, có thêm việc và kinh nghiệm trong đào tạo	Đáp ứng yêu cầu
2	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Thông tư 07/2015, TT 22/2017, TT 17/2018 của Bộ GDĐT; định hướng của tỉnh Thanh Hóa, nhu cầu của xã hội, ý kiến đề xuất của các cơ quan, tổ chức chuyên ngành của tỉnh.	Đáp ứng yêu cầu
3	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Tại mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cần bổ sung chuyên ngành thú y và nhóm ngành liên quan đến thú y ở một số module	Có bản đáp ứng yêu cầu
4	Cấu trúc chương trình đào tạo (cần làm rõ: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, việc sắp xếp các khối kiến thức; thời lượng của từng học phần;.....)	Đầy đủ, logic, khoa học, thực tiễn, phù hợp theo thời gian, thời điểm, số liệu, khối lượng thời lượng các môn/học phần	Đáp ứng yêu cầu

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
5	Thời lượng của chương trình đào tạo	Thời gian 4,5 năm. Tổng 150 tín chỉ (111 tín chỉ chuyên ngành) là hoàn toàn phù hợp	Đáp ứng yêu cầu
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	Theo thực tiễn sản xuất, nhu cầu xã hội cần bổ sung thêm cái nôi dùng (chăn nuôi, thú y) công nghệ cao, chăn nuôi ATSP, trang trại xử lý môi trường tập trung, tái sinh hoàn, kinh tế thị trường.	Cơ bản đáp ứng yêu cầu
7	Đề cương của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)	Theo TT 17/2012 phương pháp đánh giá học viên/sinh viên theo hướng mở. Có thể bổ sung thêm phương pháp cho sinh viên nghiên cứu chuyên ngành, chuyên đề, thực tiễn thay cho thi viết lý thuyết	Đáp ứng yêu cầu

Những ý kiến khác

- ... Một số thuật ngữ chuyên ngành trong cái môn học chưa chính xác cho phù hợp. (ví dụ: dinh dưỡng và TACN) thay cho gia súc, vi có cả gia cầm; bị bỏ sót DTCLP
- ... Chưa sửa một số VBQPPL (luật, nghị định, thông tư) về chăn nuôi, thú y. (ví dụ: sữa/thay thế, NĐ 119)
- ... Cần sửa vào các VB pháp luật để làm rõ nội hàm của các môn chuyên ngành. (Trại đại, đơn vị vật nuôi)

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa)

- ... Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, chỉnh sửa như một số góp ý nêu trên
- ... Đạt yêu cầu, hồ sơ tiếp thông qua, trình các cấp tiếp theo theo quy định

Thành viên Hội đồng thẩm định

(ký, tên)


Mai Thị Song

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

GIẤY XÁC NHẬN
Về việc chỉnh sửa chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định

Căn cứ Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ –ĐHHĐ ngày 21/2/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi - Thú y trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi - Thú y trình độ đại học họp ngày 25/2/2022

XÁC NHẬN

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Chăn nuôi - Thú y, mã số 7620119 do Trường Đại học Hồng Đức xây dựng đã được chỉnh sửa, bổ sung theo góp ý của Hội đồng thẩm định và đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Thanh Hóa, Ngày 2 tháng 3 năm 2022

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS,TS Phạm Ngọc Thạch

ỦY VIÊN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



PGS,TS Đậu Bá Thìn

XÁC NHẬN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



TRƯỞNG PHÒNG QLĐT
Đậu Bá Thìn

PHẦN D: PHỤ LỤC

1. Phiếu Ý kiến về nhu cầu nguồn nhân lực đại học ngành Chăn nuôi - Thú y
2. Lý lịch khoa học/ Văn bằng tốt nghiệp của giảng viên cơ hữu

Thanh Hoá, ngày ~~17~~ tháng 02 năm 2022

Ý KIẾN VỀ SỰ CẦN THIẾT ĐÀO TẠO NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y

Kính gửi: Trường Đại học Hồng Đức.

Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hoá đã nhận được phiếu thăm dò ý kiến về sự cần thiết đào tạo ngành Chăn nuôi thú y của Nhà trường.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị tại Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc thành lập Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Là cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn nhân lực, chúng tôi thấy việc đào tạo kỹ sư Chăn nuôi thú y đã kết hợp năng lực thiết kế quy trình chọn tạo giống, chăm sóc nuôi dưỡng với năng lực tư vấn kỹ thuật chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh trên vật nuôi. Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm nghiệm thú sản và phát triển các sản phẩm trong ngành. Đặc biệt một số lĩnh vực hoạt động trong Thú y như phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, kinh doanh thuốc Thú y, phụ trách kỹ thuật của cơ sở khảo nghiệm, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y thì phải có bằng Chăn nuôi thú y mới đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề theo quy định của Luật Thú y.

Vì vậy, nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và mở rộng cơ hội việc làm cho người học thì việc đào tạo ngành Chăn nuôi thú y là phù hợp.



Trưởng
Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thanh Hoá
TS Đặng Văn Hiệp

Quảng Xương, ngày 14 tháng 2 năm 2022

**Ý KIẾN VỀ SỰ CẦN THIẾT ĐÀO TẠO
NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y**

Kính gửi: Trường Đại học Hồng Đức.

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Quảng Xương đã nhận được phiếu thăm dò ý kiến về sự cần thiết đào tạo ngành Chăn nuôi thú y của Nhà trường.

Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Quảng Xương là đơn vị sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo của Nhà trường, trong thực tế công việc chúng tôi thấy việc đào tạo chương trình kết hợp giữa ngành Chăn nuôi và ngành Thú y thành ngành Chăn nuôi thú y nhằm tích hợp chuyên môn của 02 chuyên ngành đáp ứng tốt cho việc làm vì một số lý do chính sau:

1. Hiện nay, thông qua đánh giá sơ bộ về chất lượng lao động trong thực tế cho thấy các sinh viên tốt nghiệp ngành Chăn nuôi, thường thiếu kiến thức và kỹ năng về điều trị bệnh cho động vật, dẫn đến khó khăn trong công tác chỉ đạo phòng chống dịch bệnh;

2. Việc mở ngành đào tạo Chăn nuôi thú y là xu hướng tất yếu, hiện đã được Học viện Nông nghiệp Việt Nam tổ chức đào tạo trong nhiều năm gần đây, sau khi tốt nghiệp ngành học này, sinh viên sẽ vừa có năng lực thiết kế quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, chọn tạo giống và vừa có năng lực tư vấn kỹ thuật chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh trên vật nuôi, cũng như năng lực kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm nghiệm thú sản và phát triển kinh doanh các sản phẩm trong ngành.... Đáp ứng tốt hầu hết các vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

Vì vậy, chúng tôi cho rằng việc triển khai đào tạo ngành Chăn nuôi thú y của Quý trường là thực sự cần thiết, không những mở rộng cơ hội việc làm cho người học mà còn đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng lao động của các đơn vị, doanh nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi - thú y hiện nay.



Phạm Thị Nhung

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 2 năm 2022

**Ý KIẾN VỀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC
NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y**

Kính gửi: Trường Đại học Hồng Đức

Công ty TNHH Hân Mạnh là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Hiện nay công ty có 01 trang trại 15 ha với 500 lợn nái sinh sản, 2000 lợn thịt thương phẩm, hơn 10.000 con gia cầm các loại. Hàng năm công ty có nhu cầu tuyển dụng một lượng lớn nguồn lao động có trình độ cao đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

Trường Đại học Hồng Đức là trường có bề dày đào tạo ngành nông nghiệp, là trường Đại học duy nhất trong tỉnh Thanh Hóa đào tạo ngành chăn nuôi, hàng năm cung cấp cho thị trường một lượng lớn lao động có trình độ cao, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt. Tuy nhiên, một hạn chế rất lớn là: lĩnh vực thú y vẫn chưa được đưa vào CTĐT, chưa được ghi lên văn bằng tốt nghiệp nên gây thiệt thòi cho các bạn sinh viên sau khi ra trường nộp hồ sơ phỏng vấn tìm việc làm. Do đó, mở ngành đào tạo Chăn nuôi thú y là phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.

Từ những nội dung nêu trên cho thấy việc đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Chăn nuôi là rất phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.



GIÁM ĐỐC

Hà Văn Hiền

PHẦN E: ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

1. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ mở ngành Chăn nuôi - Thú y
2. Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ mở ngành Chăn nuôi - Thú y
3. Phiếu tự đánh giá điều kiện mở ngành Chăn nuôi - Thú y

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Đoàn kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên,
trang thiết bị, thư viện phục vụ mở ngành Chăn nuôi-Thú y**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ mở ngành đào tạo trình độ đại học **Chăn nuôi-Thú y**, mã số 7620119, gồm:

1. Ông Lê Hoàng Bá Huyền	Phó Hiệu trưởng	Trưởng Đoàn
2. Ông Đậu Bá Thìn	TP. Quản lý đào tạo	Phó Trưởng đoàn
3. Bà Nguyễn Thị Dung	TP. Tổ chức-Cán bộ	Ủy viên
4. Ông Lê Ngọc Sê	PTP. Kế hoạch-Tài chính	Ủy viên
5. Ông Nguyễn Đức Long	TP. Quản trị-Vật tư, Thiết bị	Ủy viên
6. Ông Lê Thanh Thủy	GD. TT Thông tin-Thư viện	Ủy viên
7. Bà Trần Thị Mai	CV. Quản lý đào tạo	Ủy viên-Thư ký

Điều 2. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ đào tạo ngành **Chăn nuôi-Thú y** hoàn thành trước 05/3/2022; được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành; Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: phòng Quản lý đào tạo, phòng Kế hoạch-Tài chính và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, QLĐT.



Bùi Văn Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN PHỤC VỤ MỞ NGÀNH
ĐÀO TẠO CHĂN NUÔI – THÚ Y**

- Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hồng Đức.

- Địa chủ trụ sở chính: 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.

- Thành phần đoàn kiểm tra (theo Quyết định số 149 /QĐ-ĐHHD ngày 11/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức) gồm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh trong đoàn kiểm tra
1	Ông Lê Hoàng Bá Huyền	Phó Hiệu trưởng	Trưởng đoàn
2	Ông Đậu Bá Thìn	TP. Quản lý đào tạo	Phó Trưởng đoàn
3	Bà Nguyễn Thị Dung	TP. Tổ chức – Cán bộ	Ủy viên
4	Ông Lê Ngọc Sê	PTP. Kế hoạch – Tài chính	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Đức Long	TP. Quản trị - Vật tư, thiết bị	Ủy viên
6	Ông Lê Thanh Thủy	GD. TT Thông tin – Thư viện	Ủy viên
7	Bà Trần Thị Mai	CV. Quản lý đào tạo	Ủy viên – Thư ký

- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy khối kiến thức đại cương

Giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương có 23 giảng viên trong đó: 14 tiến sĩ, 9 thạc sĩ

Bảng 1.1. Danh sách giảng viên giảng dạy khối kiến thức đại cương

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Đúng/ không đúng với hồ sơ
1	Trịnh Thị Huân, 1978, TBM	Tiến sỹ, 2014, Việt Nam	Hóa hữu cơ	2003	Đúng
2	La Thị Quế, 1986, PTBM	Tiến sỹ, Việt Nam, 2021	Luật học	2008	Đúng
3	Lê Thị Hoa, 1982	Tiến sỹ, Việt Nam, 2020	Hóa hữu cơ	2008	Đúng
4	Lê Văn Minh, 1977, TK	Tiến sỹ, Việt Nam, 2018	Luật dân sự	2015	Đúng
5	Nguyễn Văn Thụ, 1974, TBM	Tiến sỹ, Việt Nam, 2016	Mậu dịch (thương mại) Quốc tế	1997	Đúng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Đúng/ không đúng với hồ sơ
6	Trình Thị Thom, 1968, TP. HTQT	Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	1995	Đúng
7	Nguyễn Thị Quyết, 1976, TK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Ngôn ngữ Anh	1990	Đúng
8	Lê Thị Thắm, 1974, TBM	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	1997	Đúng
9	Mai Thị Quý, 1969, PTK	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Triết học	1991	Đúng
10	Lê Tuyết Mai, 1981	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Tâm lý học	2004	Đúng
11	Nguyễn Thị Thanh Xuân, 1977, TBM	Tiến sĩ, 2018, Philipin	Quản trị kinh doanh	2003	Đúng
12	Lê Thị Hiền, 1982	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Văn học dân gian Việt Nam	2006	Đúng
13	Dương Thị Thoan, 1973, PTK	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Tâm lý học	2003	Đúng
14	Lê Thị Nuong, 1982	Tiến sĩ, 2010	Văn học dân gian Việt Nam	2004	Đúng
15	Lê Thị Đình, 1970	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Khoa học máy tính	1989	Đúng
16	Mai Thị Lan, 1973	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Hồ Chí Minh học	1996	Đúng
17	Nguyễn Phan Vũ, 1984, PTBM	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Triết học	2010	Đúng
18	Vũ Thị Lan, 1987, PTBM	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	LS Đảng và TT HCM	2009	Đúng
19	Hoàng Văn Quý, 1978	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Toán tin	2009	Đúng
20	Hoàng Kim Thúy, 1987	Thạc sĩ, Úc, 2014	LL và PPDH Tiếng Anh	2015	Đúng
21	Nguyễn Thị Việt, 1987	Thạc sĩ, Úc, 2013	Ngôn ngữ Anh	2015	Đúng
22	Lê Thị Oanh, 1979	Thạc sĩ, 2007, Việt Nam	Xác xuất-thống kê	2013	Đúng
23	Hoàng Diệu Hồng, 1976	Thạc sĩ, 2001, Việt Nam	Xác xuất-thống kê	1998	Đúng

1.2. Đội ngũ giảng viên giảng ngành đúng

Giảng dạy khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 02 tiến sĩ đúng chuyên ngành (TS Đỗ Ngọc Hà, TS Hoàng Văn Sơn); 04 thạc sĩ đúng chuyên ngành (ThS Nguyễn Thị Hải; ThS Hoàng Thị Bích, ThS Khương Văn Nam, ThS Phan Thị Tươi)

Bảng 1.2. Danh sách giảng viên ngành đúng (2 TS, 4 ThS)

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Đúng/ không đúng với hồ sơ
1	Đỗ Ngọc Hà, 1985, PTBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Chăn nuôi	2014	Đúng
2	Hoàng Văn Sơn, 1980, PTBM	Tiến sĩ, 2021, Việt Nam	Thú y/Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2005	Đúng
3	Nguyễn Thị Hải, 1979	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Thú y	2004	Đúng
4	Phan Thị Tươi, 1986	Thạc sĩ, 2013, Thái Lan	Dinh dưỡng động vật	2014	Đúng
5	Khuông Văn Nam, 1986	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Chăn nuôi	2011	Đúng
6	Hoàng Thị Bích, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Thú y	2003	Đúng

1.3. Đội ngũ giảng viên ngành gần

Giảng dạy khối kiến thức bổ trợ có 17 giảng viên trong đó gồm 7 Tiến sĩ và 10 thạc sĩ

Bảng 1.3. Danh sách giảng viên ngành gần

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Đúng/ không đúng với hồ sơ
1	Phạm Hữu Hùng, 1978, TBM	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Kỹ thuật Lâm sinh	2003	Đúng
2	Lê Thị Phụng, 1983	Tiến sĩ, 2019, Nhật Bản	Nông nghiệp	2009	Đúng
3	Lê Văn Cường, 1984, PTK	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Kinh tế xã hội học nông thôn	2007	Đúng
4	Bùi Thị Huyền, 1975, PTK	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Kỹ thuật Lâm sinh	2000	Đúng
5	Nguyễn Thị Minh Hồng, 1979	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ Sinh học	2004	Đúng
6	Lê Văn Ninh, 1965, TK	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Bảo vệ thực vật	2003	Đúng
7	Trịnh Lan Hồng, 1987	Thạc sĩ, Phillipines 2014	Khoa học thực phẩm	2011	Đúng
8	Trần Xuân Cương,	Thạc sĩ, 2016,	Hệ thống nông	2013	Đúng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Đúng/ không đúng với hồ sơ
	1989	Thái Lan	ng nghiệp		
9	Nguyễn Thanh Bình, 1978	Thạc sĩ, 2015, Nhật Bản	Khoa học môi trường và đời sống	2003	Đúng
10	Nguyễn Thị Dung, 1985	Thạc sĩ, 2014, Nhật Bản	Khoa học môi trường	2009	Đúng
11	Phạm Thu Trang, 1984	Thạc sĩ, 2014, Bỉ	Kinh tế và xã hội học nông thôn	2012	Đúng
12	Phạm Thanh Bình, 1986	Thạc sĩ, 2014, Trung Quốc	Khoa học môi trường	2009	Đúng
13	Lê Văn Thành, 1978	Tiến sĩ, 2018, Trung Quốc	Kinh tế biển	2003	Đúng
14	Lê Huy Tuấn, 1984	Thạc sĩ, 2013, Trung Quốc	Khoa học môi trường	2008	Đúng
15	Lê Thị Lâm, 1982	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Công nghệ sau thu hoạch	2007	Đúng
16	Tổng Minh Phương, 1981	Thạc sĩ, 2012, Thái Lan	Hệ thống Nông nghiệp	2013	Đúng
17	Phùng Thị Tuyết Mai, 1978	Thạc sĩ, 2010, Việt Nam	Công nghệ thực phẩm	2006	Đúng

1.4. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước	Chuyên ngành được đào tạo	Năm tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
1	Bùi Thị Tuấn	Kỹ sư, 2003	Công nghệ sinh học	2004	Đúng
2	Hoàng Thị Liên	Kỹ sư, 2005 Việt Nam	Chăn nuôi thú y	2005	Đúng
3	Lê Thị Thanh	Thạc sĩ, 2014 Việt Nam	Nuôi trồng thủy sản	2008	Đúng

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)	
1	Phòng học tiếng Anh	07	80	- Ti vi	07	Các học phần tiếng Anh	80	Đúng
				- Hệ thống tăng âm	07			
				- Loa đài, đĩa	07			
2	Giảng đường	06	160	- Máy chiếu	06	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	160	Đúng
				- Hệ thống tăng âm	01			
				- Bảng viết	01			
3	Phòng thực hành máy tính	01	50	- Máy tính	40	- Tin học đại cương - Phương pháp thí nghiệm - Thiết kế thí nghiệm	50	Đúng
				- Các thiết bị đi kèm	40			

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học/học phần
1.	Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học		Giàn nuôi cây	7	Di truyền động vật Công nghệ sinh học Vi sinh vật học Vi sinh vật và miễn dịch học thú y Công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp
2.			Box cây	3	
3.			Nồi hấp khử trùng	1	
4.			Máy cất nước 2 lần	1	
5.			Máy đo cường độ ánh sáng	1	
6.			Máy đo pH	1	
7.			Tủ sấy Binden	1	
8.			Máy hút âm EDISON	1	
9.			Cân phân tích AB 104	1	
10.			Cân Kỹ thuật Shimadu	1	
11.			Cân phân tích điện tử AUY 220	1	
12.			Bộ que cấy	2	

13.			Máy PCR	1	
14.			Máy ELISA	1	
15.			Bộ điện di ADN	1	
16.			Kính hiển vi SH 2 mặt	5	
17.			Kính hiển vi soi nổi	3	
18.	Phòng thí nghiệm sinh lý, sinh hóa		Máy đo diện tích lá	1	Sinh lý động vật Hoá sinh học Bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi Kiểm nghiệm thú sản
19.			Máy đo độ quang hợp	1	
20.			Máy đo cường độ ánh sáng	1	
21.			Máy xác định độ thuỷ phân của lá	1	
22.			Máy đo độ đường	1	
23.			Máy solex dầu mỡ	1	
24.			Máy lên men biotat	1	
25.			Máy so màu quang phổ	1	
26.			Máy qang kế ngọn lửa	1	
27.			Máy đo pH	1	
28.			Máy khuấy từ	1	
29.			Máy lắc	1	
30.			Tủ sấy	1	
31.			Máy cất nước 2 lần	1	
32.			Thiết bị đo độ ẩm, nhiệt độ	1	
33.			Cân kỹ thuật điện tử	2	
34.			Kính hiển vi SH 2 mặt	5	
35.	Phòng thí nghiệm Nông hóa - Thổ nhưỡng		Sắc ký lỏng cao áp HPLC	1	Sinh thái môi trường Khoa học môi trường Khí tượng nông nghiệp Vệ sinh chăn nuôi
36.			Máy quang phổ lượng	1	
37.			Máy quang kế ngọn lửa	1	
38.			Hệ thống thiết bị chưng cất đạm	1	
39.			Máy li tâm chạy điện 1K-6K	1	
40.			Lò nung FM20 -	1	
41.			Máy li tâm	1	
42.			Tủ bảo quản mẫu	1	
43.			Bể ổn nhiệt		
44.			Máy đo PH cầm tay	1	
45.			Máy khuấy RW 20IKA	1	
46.			Máy lắc ngang	1	
47.	Phòng thí nghiệm chăn nuôi thú y		Súng cấy phôi đại gia súc	1	Chọn và nhân giống vật nuôi Dinh dưỡng và thức ăn gia súc Bệnh lý và chẩn đoán bệnh gia súc Dịch tể học thú y Miễn dịch học ứng dụng Chăn nuôi lợn Chăn nuôi gia cầm Dược lý thú y Dược liệu thú y Chăn nuôi gia súc nhai lại Sân khoa gia súc
48.			Buồng cấy vi sinh LVC - 3A1 ESCO	1	
49.			Kính hiển vi soi nổi K400L MOTIC	1	
50.			Kính hiển vi 2 mắt SFC 182 AGQ-MS	7	
51.			Lò nung FM12 - DAI HAN	1	
52.			Máy chẩn đoán gia súc có chữa	2	
53.			Máy đánh giá phẩm chất tinh IMV 019951	1	
54.			Máy đếm khuẩn lạc SC6 BARLOWORLD	1	

55.			Máy đo độ dày lớp mỡ Lean Meater RENCO	2	Bệnh nội, ngoại khoa gia súc
56.			Máy hút âm ED168 EDISON	1	Bệnh truyền nhiễm
57.			Máy phân tích sữa ART-Nr.3250 FUNKE GERBER	1	Ký sinh trùng thú y
58.			Tủ âm 626-5/EX	1	
59.			Tủ lạnh National 150 lít	1	
60.			Máy hút bụi PhilipS FC 8396	1	
61.			Tủ sấy Memmert	1	
62.			Máy xay cơ mini	1	
63.			Cốc lọc phôi	1	
64.	Trại thí nghiệm thực hành		Chuồng nuôi gà (m ²)	500	Chọn và nhân giống vật nuôi
65.			Chuồng nuôi bò (m ²)	300	Dinh dưỡng và thức ăn gia súc
66.			Vườn trồng cỏ cho trâu bò (m ²)	10.000	Bệnh lý và chẩn đoán bệnh gia súc
67.			Vườn cây tiêu bản	700	Dịch tể học thú y
68.			Hệ thống tưới nước (hệ thống)	1	Miễn dịch học ứng dụng
69.			Ao, hồ (m ²)	3.200	Chăn nuôi lợn
70.			Sân chơi cho gà	1000	Chăn nuôi gia cầm
71.			Kho để dụng cụ	100	Dược lý thú y
					Dược liệu thú y
					Chăn nuôi gia súc nhai lại
					Sản khoa gia súc
					Bệnh nội, ngoại khoa gia súc
					Bệnh truyền nhiễm
					Ký sinh trùng thú y

2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 5166 m²;
- Số chỗ ngồi: 500; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 84;
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- Thư viện điện tử: 01 Số lượng sách, giáo trình điện tử: 24.000
- Tài liệu sách, giáo trình: 11 ngàn đầu sách, giáo trình

2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
1	Giáo trình triết học Mác - Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	Đúng
2	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2015	20	
3	Giáo trình Triết học	Nguyễn Ngọc Long,	CTQG	2005	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
	Mác-Lênin: Dùng trong các trường đại học, cao đẳng	Nguyễn Hữu Vui				
4	Lịch sử triết học	Nguyễn Hữu Vui	CTQG	1997	20	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	
6	Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2004	20	Đúng
7	Văn kiện đảng toàn tập tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12	Đảng Cộng sản Việt Nam	CTQG	2002; 2002; 1999; 1999; 2002; 2000; 2000; 2000; 2001; 2001; 2001; 2001	20	
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	
9	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	BGD & ĐT	CTQG	2015	20	Đúng
10	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học: Dùng trong các trường đại học, cao đẳng	BGD & ĐT	CTQG	2008	20	
11	Lịch sử Đảng CSVN	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	
12	Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN	BGD & ĐT	CTQG	2006	20	Đúng
13	Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn	Bộ GD&ĐT	2007	20	
14	Văn kiện Đảng toàn tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VI II,IX,X,XI,XII,XIII		CTQG	2009	20	
15	Giáo trình Tư tưởng HCM	BGD & ĐT	CTQG	2021	20	Đúng
16	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	BGD & ĐT		2019	20	
17	Biên niên tiểu sử	Hồ Chí Minh	CTQG Sự thật	2016	20	
18	Hồ Chí Minh toàn tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10,	Tập thể	CTQG	2011	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
	11, 12, 13, 14, 15					
19	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp	CTQG	2008	20	
19	Pháp luật đại cương	Lê Văn Minh	CTQG	2016	20	Đúng
20	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	Lê Minh Toàn	Lao động	2012	20	
21	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan	Công an nhân dân	2015	20	
22	English File – Elemenraty 3 rd Edition	Clive Oxeden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson	Oxford University Press	2012	20	Đúng
23	Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A	Nguyễn Thị Quyết	Thanh Hóa	2018	20	
24	Grammar In Use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành	Raymond Murphy	Thời đại	2013	20	
25	Cambridge Preliminary English Test 2	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2011	20	
26	English File – Pre - Intermediate 3 rd Edition	Christina Latham – Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson	Oxford University Press	2011	20	Đúng
27	Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B	Nguyễn Thị Quyết	Nxb Thanh Hóa	2018	20	
28	Grammar In Use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành	Raymond Murphy	Hà Nội	2013	20	
29	Cambridge Preliminary English Test 3	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2013	20	
30	Cambridge Preliminary English Test 4	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2014	20	
31	Target PET	Sue Ireland, Joanna Kosta	Richmond Publishing	2011	20	Đúng
32	English File– Preintermediate 3rd edition	Clive Oxenden, Christina Latham– Koenig and Paul Seligson	Oxford University Press	2013	20	
33	Grammar In Use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng	Raymond Murphy	Hà Nội	1997	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
34	Cambridge Preliminary English Test 5	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2011	20	
35	Cambridge Preliminary English Test 6	Cambridge ESOL	Cambridge University Press	2015	20	
36	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	2000	20	Đúng
37	Việt Nam văn hoá sử cương	Đào Duy Anh	VHTT	2002	20	
38	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Giáo dục	2002	20	
39	Xác suất và thống kê	Đào Hữu Hồ	ĐHQG Hà Nội	2001	20	Đúng
40	Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê	Tổng Đình Quý	Giáo dục	2000	20	
41	Xác suất thống kê	Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương	ĐHQG	2001	20	
42	Hóa học phân tích phần I, II	Nguyễn Tinh Dung	GD	2000	20	Đúng
43	Hóa học hữu cơ	Trần Quốc Sơn, Đặng Văn Liễu	ĐHSP, Hà Nội	2005	20	
44	Bài tập hóa hữu cơ	Nguyễn Hữu Đĩnh	Giáo dục	2008	20	
45	Giáo trình tin học cơ sở	Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang	ĐHSP	2015	20	Đúng
46	Tin học căn bản	Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng	KHKT	2017	20	
47	Giáo trình Tin học đại cương	Hàn Viết Thuận	ĐHQTKD	2007	20	
48	Giáo trình Công nghệ sinh học nông nghiệp	Nguyễn Quang Thạch, Nguyễn Thị Lý Anh	Nông Nghiệp Hà Nội	2009	20	Đúng
49	Kỹ thuật di truyền ứng dụng.	Lê Đình Lương, Quyền Đình Thi	Đại học Khoa học tự nhiên,	2004	20	
50	Công nghệ sinh học cây trồng	Đỗ Năng Vịnh	Nông nghiệp	2002	20	
51	Giáo trình sinh thái nông nghiệp	Trần Đức Viên và CS	Giáo dục	2013	20	Đúng
52	Giáo trình Khoa học Môi trường đại cương	Lê Văn thắng	Giáo dục	2008	20	
53	Khoa học môi trường	Lê Văn Khoa	Giáo dục	2008	20	Đúng
54	Cơ sở khoa học môi trường	Lưu Đức Hải	ĐHQG	2000	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
55	Tâm lý học lao động	Lê Thị Dung	LĐXH	2009	20	Đúng
56	Tâm lý học lao động	Võ Hưng, Phạm Thị Bích Ngân	ĐHQG TPHCM	2007	20	
57	Tâm lý học lao động	Đào Thị Oanh	ĐHSP Hà Nội	2003	20	
58	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	ĐH KTQD	2016	20	Đúng
59	Nhượng quyền khởi nghiệp	Nguyễn Phi Vân	Trẻ	2015	20	
60	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Nguyễn Đặng Tuấn Minh	Phụ nữ	2017	20	
61	Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học	Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ	TDTT	2000	20	Đúng
62	Chạy cự ly ngắn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD và ĐT	1998	20	
63	Giáo trình Điền kinh	Trường Đại học TDTT TWI	TDTT		2000	
64	Luật Điền Kinh	Ủy ban TDTT	TDTT		2003	
65	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn	ĐHSP	2004	20	Đúng
66	Giáo trình Bóng chuyền	Đinh Văn Lắm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống	TDTT	2006	20	
67	Luật bóng chuyền	Ủy ban TDTT	TDTT	2003	20	
68	Hướng dẫn tập luyện và thi đấu bóng chuyền	Nguyễn Quang	TDTT	2001	20	
69	Bóng chuyền bóng rổ	Ủy ban TDTT	TDTT	1998	20	
70	Giáo trình Thể dục Aerobic	Đinh Khánh Thu	TDTT	2014	20	Đúng
71	Thể dục Aerobic chu kỳ 2013-2016	Liên đoàn Thể dục quốc tế		2013	20	
71	Thể dục	Nguyễn Xuân Sinh		2009	20	
72	Giáo trình Bóng Đá	Trần Đức Dũng		2007	20	Đúng
72	Luật Bóng đá 11 người, 7 người, 5 người	Ủy ban TDTT			20	
73	Giáo trình bóng đá	Phạm Quang		2004	20	
74	Huấn luyện Bóng đá trình độ A; B; C	Phạm Quang, Nguyễn Thiệt Tình	TDTT	2000	20	
75	Một số bài tập Bóng đá	MILO		2004		Đúng
76	Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo	TDTT, Hà Nội.	2003	20	
77	Giáo trình bóng rổ dành cho sinh viên Cao đẳng TDTT	Nguyễn Tùng		2003	20	
78	Luật bóng rổ	Ủy ban thể dục thể			20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
		thao				
79	Giáo trình huấn luyện Vovinam- Việt võ đạo tập 1	Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu	TDTT	2008	20	Đúng
80	Giáo trình huấn luyện Vovinam- Việt võ đạo tập 2	Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu	TDTT	2011	20	
81	Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo	Nguyễn Chánh Tứ		2014	20	
82	Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt Võ đạo	Võ sư Trương Quang An	KIEV.	1998	20	
83	Hóa sinh học	Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng	Giáo dục	2016	20	Đúng
84	Sinh hoá học động vật.	Trần Tổ, Cù Thị Thúy Nga	Nông nghiệp	2008	20	
85	Hoá sinh thực vật.	Ngô Xuân Mạnh, Vũ Kim Bảng, Nguyễn Đăng Hùng, Vũ Kim Thư	Nông nghiệp	2006	20	
86	Thực tập hóa sinh học	Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Thuận, Phan Tuấn Nghĩa	ĐHQGHN	2007	20	
87	Giải phẫu vật nuôi	Đăng Quang Nam, Phạm Đức Chương	NN	2002	20	Đúng
88	Tổ chức phôi thai học	Phạm Trọng Cung	NN	1982	20	
89	Giải phẫu gia súc cục bộ	Phạm Thị Xuân Vân	NN	1993	20	
90	Giáo trình giải phẫu sinh lý vật nuôi	Nguyễn Đình Nhung	NN	2005	20	
91	Di truyền động vật	Phan Cự Nhân	KHKT HN	2001	20	Đúng
92	Cơ sở di truyền học phân tử và tế bào - Di truyền học số lượng	Đinh Đoàn Đông	ĐHQG HN	2009	20	
93	Di truyền học	Phạm Thành Hồ	GD	2001		
94	Giáo trình sinh lý động vật - Phần 1	Phạm Kim Đăng, Nguyễn Bá Mùi, Cù Thị Thiên Thu, Nguyễn Thị Phương Giang và Nguyễn Bá Hiếu	NN	2020	20	Đúng
95	Giáo trình sinh lý động vật - Phần 2	Phạm Kim Đăng, Nguyễn Bá Mùi, Cù Thị Thiên Thu, Nguyễn Thị Phương Giang và Nguyễn Bá	NN	2020	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
		Hiếu				
96	Sinh lí học vật nuôi	Nguyễn Quang Mai		2004	20	
97	Vì sinh vật học nông nghiệp	Nguyễn Xuân Thành	ĐHSP	2004	20	Đúng
98	Vì sinh vật học đại cương	Nguyễn Như Thành	Đại học Sư phạm	2004	20	
99	Giáo trình thực tập vì sinh vật	Nguyễn Xuân Thành	Đại học Sư phạm	2005	20	
100	Giáo trình thiết kế thí nghiệm	Đỗ Đức Lực, Nguyễn Đình Hiền, Hà Xuân Bộ	Đại học Nông Nghiệp	2017	20	Đúng
101	Giáo trình viết tài liệu khoa học	Đặng Vũ Bình	Đại học Nông Nghiệp	2017		
102	Giáo trình thiết kế thí nghiệm	Đỗ Đức Lực, Nguyễn Đình Hiền, Hà Xuân Bộ	Đại học Nông Nghiệp	2017	20	Đúng
103	Giáo trình phân tích số liệu thí nghiệm và công bố kết quả nghiên cứu chăn nuôi,.	Nguyễn Xuân Trạch, Đỗ Đức Lực	ĐH Nông nghiệp	2015	20	
104	Giáo trình Khí tượng nông nghiệp	Đoàn Văn Điểm	Nông nghiệp	2005	20	Đúng
105	Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam	Bộ tài nguyên và môi trường	Nông nghiệp	2016	20	
106	Chọn giống và nhân giống vật nuôi,	Nguyễn Đình Hùng, Nguyễn Minh Hoàn, Lê Đình Phùng	ĐH Huế	2008	20	Đúng
107	Chọn giống và nhân giống vật nuôi	Nguyễn Hải Quân	NN HN	2007	20	
108	Cơ sở di truyền chọn giống động vật	Đặng Hữu Lan, Trần Đình Miên, Trần Đình Trọng	NXBNN Hà Nội	1992	20	
109	Dinh dưỡng và thức ăn gia súc	Vũ Duy Giảng - Nguyễn Thị Lương Hồng - Tôn Thất Sơn	NN Hà Nội	1997	20	Đúng
110	Giáo trình Thức ăn gia súc	Lê Đức Ngoan, Nguyễn Thị Hoa Lý, Dư Thị Thanh Hằng	ĐH Huế.	2005	20	
111	Giáo trình dinh dưỡng vật nuôi	Lê Đức Ngoan - Dư Thanh Hằng	ĐH Huế.	2014	20	
112	Giáo trình Bệnh lý thú y 1	Nguyễn Hữu Nam, Nguyễn Thị Lan, Bùi Trần Anh Đào	ĐH Nông Nghiệp	2014	20	Đúng

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
113	Chẩn đoán bệnh gia súc	Chu Đức Thắng, Hồ Văn Nam, Phạm Ngọc Thạch	Nông nghiệp	2007	20	
114	Giải phẫu bệnh đại cương thú y	Cao Xuân Ngọc	Nông nghiệp HN	1997	20	
115	Giáo trình Dịch tễ học	Nguyễn Như Thanh	NN	2015	20	
116	Giáo trình bệnh truyền nhiễm thú y	Nguyễn Bá Hiên	NN	2012	20	Đúng
117	Giáo trình Miễn dịch học ứng dụng	Nguyễn Bá Hiên và Trần Thị Lan Hương	Hà Nội	2009	20	Đúng
118	Giáo trình Miễn dịch học	Phạm Văn Ty	ĐH Quốc gia	2001	20	
119	Giáo trình vi sinh vật bệnh truyền nhiễm vật nuôi	Nguyễn Bá Hiên	HN	2007	20	
120	Giáo trình chăn nuôi lợn	Vũ Đình Tôn	NN Hà Nội	2009	20	Đúng
121	Giáo trình chăn nuôi lợn	Nguyễn Quang Linh, Phùng Thăng Long	ĐH Huế	2020	20	
122	Cẩm nang chăn nuôi lợn	Viện chăn nuôi Việt Nam	NN HN	2006	20	
123	Chăn nuôi lợn trang trại	Nguyễn Thanh Sơn	LĐXH	2006	20	
124	Giáo trình Chăn nuôi gia cầm	Nguyễn Thị Mai	NN Hà Nội	2009	20	Đúng
125	Giáo trình Chăn nuôi gia cầm	Trần Thanh Vân, Nguyễn Duy Hoan, Nguyễn Thị Thúy My	NN Hà Nội	2015	20	
126	Chăn nuôi gia cầm	Nguyễn Mạnh Hùng	NN Hà Nội	1994	20	
127	Dược lý học phân tử ứng dụng trong Thú y	Phạm Khắc Hiếu	ĐH NN	2016	20	Đúng
128	Dược liệu thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2009	20	
129	Thuốc điều trị và vaccin sử dụng trong thú y	Phạm Sĩ Lăng	NN	1999	20	
130	Dược liệu thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2009	20	Đúng
131	Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam	Đỗ Tất Lợi	Thời đại	2015	20	
132	Sử dụng chế phẩm thảo dược trong chăn nuôi lợn và gà	Lã Văn Kính	ĐH NN	2017	20	
133	Dược lý học thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2015	20	Đúng
134	Giáo trình chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Xuân Trạch, Mai Thị Thơm và Lê Văn Ban	NN HN	2006	20	Đúng
135	Chăn nuôi bò sinh sản	Nguyễn Xuân Trạch	NN HN	2006	20	
136	Nuôi bò thịt	Đinh Văn Cải	TP HCM	2007	20	
137	Giáo trình sinh sản vật nuôi	Phan Vũ Hải	NN	2013		Đúng
138	Giáo trình công nghệ sinh	Đào Đức Thà	NN	2016		

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
	sản vật nuôi					
139	Sinh lý học vật nuôi	Nguyễn Quang Mai		2004		
140	Giáo trình Bệnh nội khoa gia súc	Phạm Ngọc Thạch	NN HN	2006	20	Đúng
141	Giáo trình Phẫu thuật ngoại khoa thú y	Huỳnh Văn Kháng	Trường ĐH NN HN	2003	20	
142	Giáo trình Bệnh ngoại khoa	Huỳnh Văn Kháng	ĐH NN HN.	2003	20	
143	Giáo trình Chẩn đoán bệnh gia súc	Chu Đức Thắng, Hồ Văn Nam, Phạm Ngọc Thạch	NN HN	2008	20	
144	Giáo trình Dược lý học thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2015	20	
145	Giáo trình bệnh truyền nhiễm Thú y	Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Lê Văn Lãnh và Đỗ Ngọc Thúy	ĐH NN	2012	20	Đúng
146	Giáo trình Dịch tễ học	Nguyễn Như Thanh	NN	2015	20	
147	Giáo trình vi sinh vật bệnh truyền nhiễm vật nuôi	Nguyễn Bá Hiên	HN	2007	20	
148	Giáo trình Ký sinh trùng Thú y	Phạm Văn Khuê, Phan Lục	NN HN	1996	20	Đúng
149	Ký sinh trùng và Bệnh ký sinh trùng vật nuôi	Phạm Sỹ Lăng	NN HN	1996	20	
150	Giáo trình bệnh ký sinh trùng thú y	Phan Văn Lục	NN HN	2006	20	
151	Giáo trình vệ sinh vật nuôi	Đỗ Ngọc Hòe	HN	2006	20	Đúng
152	Sinh thái vật nuôi và ứng dụng trong CN gia súc gia cầm	Phạm Sỹ Tiệp	LĐXH	2006	20	
153	Giáo trình xử lý nước thải	Nguyễn Đình Mạnh	NN HN	2009	20	
154	Giáo trình Xử lý chất thải	Nguyễn Đình Mạnh	Nông nghiệp.	2009	20	Đúng
155	Giáo trình vệ sinh vật nuôi	Đỗ Ngọc Hòe	HN	2006	20	
156	Sinh thái vật nuôi và ứng dụng trong CN gia súc gia cầm	Phạm Sỹ Tiệp	LĐXH	2006	20	
157	Bệnh của chó, mèo	Nguyễn Văn Thanh Vũ Như Quán Nguyễn Hoài Nam	ĐH Nông nghiệp	2012	20	Đúng
158	Dược lý thú y	Bùi Thị Tho	ĐH NN	2015	20	

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
159	Chẩn đoán bệnh gia súc	Chu Đức Thắng, Hồ Văn Nam, Phạm Ngọc Thạch	Nông nghiệp	2007	20	
160	Giáo trình Chăn nuôi động vật hoang dã	Nguyễn Văn Thu	Trường Đại học Cần Thơ	2011	20	Đúng
161	Small animal emergency and critical care medicine,	Elizabeth A. Rozanski., John E. Rush	Manson Publishing	2007	20	
162	Exotic animal medicine for veterinarian technician,	Bonnie B., Rayon C	Blackwell Publishing	2910	20	
163	Luật Thú y và các quy định mới nhất về nghiệp vụ công tác Thú y	Quang Minh	Lao động	2015	20	Đúng
164	Luật thú y		chính trị Quốc gia	2015	20	
165	Luật chăn nuôi		chính trị Quốc gia	2019	20	
166	Hệ thống nông nghiệp	Phạm Tiến Dũng	Nông nghiệp	2013	20	Đúng
167	Hệ thống nông nghiệp	Phạm Chí Thành, Phạm Tiến Dũng	Nông nghiệp	1996	20	
168	Hệ thống nông nghiệp trong phát triển nông nghiệp bền vững	Trần Danh Thìn, Nguyễn huy Trí	Nông nghiệp	2011	20	
169	Giáo trình Nông lâm kết hợp	Phạm Quang Vinh, Phạm Xuân Hòa	Nông nghiệp	2005	20	Đúng
170	Nông lâm kết hợp	Lê Duy Thuớc	Nông nghiệp	1995	20	
171	Kỹ thuật canh tác nông lâm kết hợp ở Việt Nam	Nguyễn Ngọc Bình, Phạm Đức Tuấn		2005	20	
172	Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn	Hoàng Mạnh Quân	Nông nghiệp	2007	20	Đúng
173	Giáo trình lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.	2012	20	
174	Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn	ĐHKTQD	Thống kê	1996	20	
175	Giáo trình Phát triển	Mai Thanh Cúc,	ĐH Nông	2005	20	Đúng

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
	nông thôn	Quyền Đình Hà	ngiệp			
176	Giáo trình quy hoạch và phát triển nông thôn.	Vũ Thị Bình	ĐH Nông nghiệp Hà Nội.	2006	20	
177	Kinh tế hộ trong nông thôn Việt Nam	Chu Anh Vũ,	Khoa học xã hội	1995	20	
178	Kinh tế hộ - Lịch sử và triển vọng phát triển.	Vũ Anh Tuấn, Trần Thị Vân Anh	Khoa học xã hội	1997	20	Đúng
179	Giáo trình Nuôi trồng thủy sản đại cương.	Kim Văn Vạn	Nông nghiệp Hà Nội.	2009	20	Đúng
180	Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản.	Đỗ Đoàn Hiệp – Phạm Tân Tiến	Giáo dục Việt Nam.	2009	20	
181	Giáo trình khuyến nông	Nguyễn Văn Long	Đại học Nông Nghiệp Hà Nội	2008	20	Đúng
182	Tài liệu tập huấn phương pháp khuyến nông	Đinh Ngọc Lan, Nguyễn Duy Hoan, Tống Khiêm.	Nông nghiệp	2007	20	
183	Khuyến nông	A.W. van den Ban; H.S. Hawkins	Nông nghiệp	1999	20	
184	Giáo trình Marketing nông nghiệp	Nguyễn Nguyên Cự	Đại học Ngoại ngữ Hà Nội	2005	20	Đúng
185	Giáo trình marketing căn bản	Trần Minh Đạo	ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội	2013	20	
186	Giáo trình kinh tế nông nghiệp	Vũ Đình Thắng	ĐH KTQD HN	2006	20	
187	Giáo trình sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học trong nông nghiệp	Lương Đức Phẩm	Giáo dục	2011	20	Đúng
188	Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp	Nguyễn Xuân Thành	Đại học KHTN	2010	20	
189	Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp và xử lý nhiễm môi trường	Nguyễn Xuân Thành	Nông nghiệp	2003	20	
190	Giáo trình công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp	Nguyễn Xuân Thành	Khoa học tự nhiên và công nghệ	2010	20	Đúng

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
191	Tìm hiểu về chế phẩm vi sinh vật	Chu Thị Thơm	Giáo dục Việt Nam	2006	20	
192	Giáo trình vi sinh vật học công nghiệp	Nguyễn Xuân Thành	Giáo dục Việt Nam	2007	20	
193	Giáo trình Công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	Trần Như Khuyên	Hà Nội	2007	20	Đúng
194	Giáo trình công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	Nguyễn Quốc Việt	Hà Nội	2007	20	
195	Giáo trình kiểm nghiệm thú sản	Nguyễn Thị Bình Tâm, Dương Văn Nhiệm	Khoa học tự nhiên và công nghệ.	2010	20	Đúng
196	GT pháp lệnh thú y và kiểm nghiệm sản phẩm vật nuôi	Ngô Thị Hòa	Hà Nội	2005	20	

2.5. Danh mục tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
1	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	Hội chăn nuôi Việt Nam	Nông Nghiệp	5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng
2	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y	Hội thú y Việt Nam		5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng
3	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Khoa học và Công nghệ	5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng
4	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	Học viên Nông nghiệp Việt Nam	Đại học Nông nghiệp	5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng
5	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	Trường ĐH Nông Lâm TP. HCM	Đại học Nông Lâm TP. HCM	5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng
6	Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp	Trường ĐH Nông Lâm, ĐH Huế	Đại học Huế	5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng
5	Tạp chí Khoa học Công nghệ	Trường Đại học Nông Lâm Thái nguyên	Thái Nguyên	5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng
7	Tạp chí khoa học	Trường Đại học Vinh	Đại học Vinh	5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng

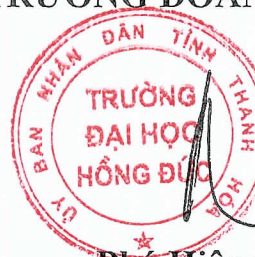
TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả/Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
8	Tạp chí khoa học	Trường Đại học Hồng Đức	Thanh Hóa	5	Các học phần Chăn nuôi thú y	Đúng

2.6. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa;
- Viện Chăn nuôi Quốc gia
- Viện thú y Quốc gia
- Viện Nông nghiệp Thanh Hóa;
- Hợp tác xã và dịch vụ nông nghiệp tại các xã và huyện trên địa bàn tỉnh Thanh hóa.
- Công ty CP chăn nuôi C.P. Việt Nam
- Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên bò sữa Việt Nam - trang trại bò sữa Thanh Hóa
- Công ty TNHH Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa - Vinamilk
- Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long
- Công ty TNHH Newhope Hà nội – chi nhánh Thanh Hóa
- Các trang trại, cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm chăn nuôi trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa./.

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 02 năm 2022

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA



Phó Hiệu trưởng
PGS.TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 02 năm 2022

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

Tên ngành: **ĐH Chăn nuôi-Thú y**; Mã số: **7620119**

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	Ghi chú
1	Sự cần thiết phải mở ngành		
	1.1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	Phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương	Đáp ứng yêu cầu
	1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Ngành đăng ký mở mới hiện chưa có trong Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Đúng quy định
	1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)	Có đề xuất của 03 đơn vị; Chi cục chăn nuôi và thú y Thanh Hóa, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Quảng Xương, công ty TNHH Hân Mạnh; hiện đã có 02 trường: HVNN Việt Nam, Đại học Nông Lâm Thái Nguyên Mở ngành này	Đáp ứng yêu cầu
	1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	Phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển của Nhà trường (thông qua Quyết nghị của HĐT)	Đúng quy định
	1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo	Quyết định số 147/QĐ-ĐHHĐ và 148/QĐ-ĐHHĐ ngày 11/01/2022	Đúng quy định
2	Đội ngũ giảng viên		
	2.1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo	100%	Đúng quy định
	2.2. Giảng viên cơ hữu		
	- Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần:	08	Đúng quy định
	- Số tiến sỹ cùng ngành:	02	Đúng quy định
	- Số thạc sỹ cùng ngành:	04	Đúng quy định
	2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo	Đầy đủ	Đúng quy định
	2.4. Giảng viên thỉnh giảng	Không	

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	Ghi chú
	2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên có hiểu biết đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).	Đầy đủ	Đúng quy định
3	Cơ sở vật chất 3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm 3.2. Thư viện, thư viện điện tử 3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo	Đầy đủ 01 Đầy đủ	Đúng quy định Đúng quy định Đúng quy định
4	Chương trình đào tạo 4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo 4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo 4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo	Quyết định số 398/QĐ-ĐHHĐ ngày 02/03/2022 Khoa học, phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Đúng quy định Đúng quy định Đáp ứng yêu cầu
5	Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định 5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định 5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)	Quyết định số 336/QĐ-ĐHHĐ ngày 21/02/2022 gồm 5 thành viên gồm 03 PGS, 01 TS và 01 ThS (là đơn vị sử dụng người TN) của 4 cơ quan khác nhau Họp ngày 25/02/2022	Đúng quy định của Thông tư 22/2017

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



PGS.TS. Bùi Văn Dũng